



2017

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

MỤC LỤC

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 04

01 THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY	
Thông tin khái quát về công ty	08
Quá trình hình thành và phát triển	12
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	18
Mô hình quản trị và sơ đồ tổ chức	20
Định hướng phát triển	24
Quản trị rủi ro	30

02 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2017	
Tình hình hoạt động SXKD 2017	36
Tổ chức và nhân sự	38
Tình hình đầu tư và thực hiện dự án	44
Tình hình tài chính	45
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư CSH	48

03 BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC	
Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh	52
Tình hình tài chính	55
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	57
Phương hướng phát triển	58

04 BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	
Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động	62
Đánh giá của HĐQT về Ban Giám đốc	64
Kế hoạch, định hướng của HĐQT	65

05 QUẢN TRỊ CÔNG TY	
Hội đồng quản trị	68
Ban Kiểm soát	70
Giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BKS, BGD	73

06 BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	
Mục tiêu phát triển bền vững	76
Đánh giá trách nhiệm với môi trường & cộng đồng xã hội	78

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2017

THÔNG điệp

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Sau hơn 10 năm xây dựng và phát triển, Công ty đã không ngừng đẩy mạnh phát huy lĩnh vực kinh doanh truyền thống, đồng thời mở rộng thêm nhiều mảng kinh doanh, sản xuất khác, tạo những bước đột phá để dần khẳng định vị thế của một doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam về kinh doanh, sản xuất phân bón, hóa chất, hàng nông sản và dịch vụ xuất nhập khẩu.

Kính thưa Quý cổ đông, Khách hàng và các Nhà đầu tư,

Năm 2017 khép lại, đánh dấu chặng đường 10 năm hình thành và phát triển của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình. Cùng với sự tin tưởng đồng hành của Quý vị, Quảng Bình đã không ngừng nỗ lực, quyết tâm vượt qua nhiều khó khăn, thách thức để dần khẳng định được vị thế trên nhiều lĩnh vực. Kính mong Quý vị cùng chúng tôi nhìn lại những dấu ấn trong năm vừa qua và tiếp tục sẻ chia, đồng hành trên chặng đường sắp tới.

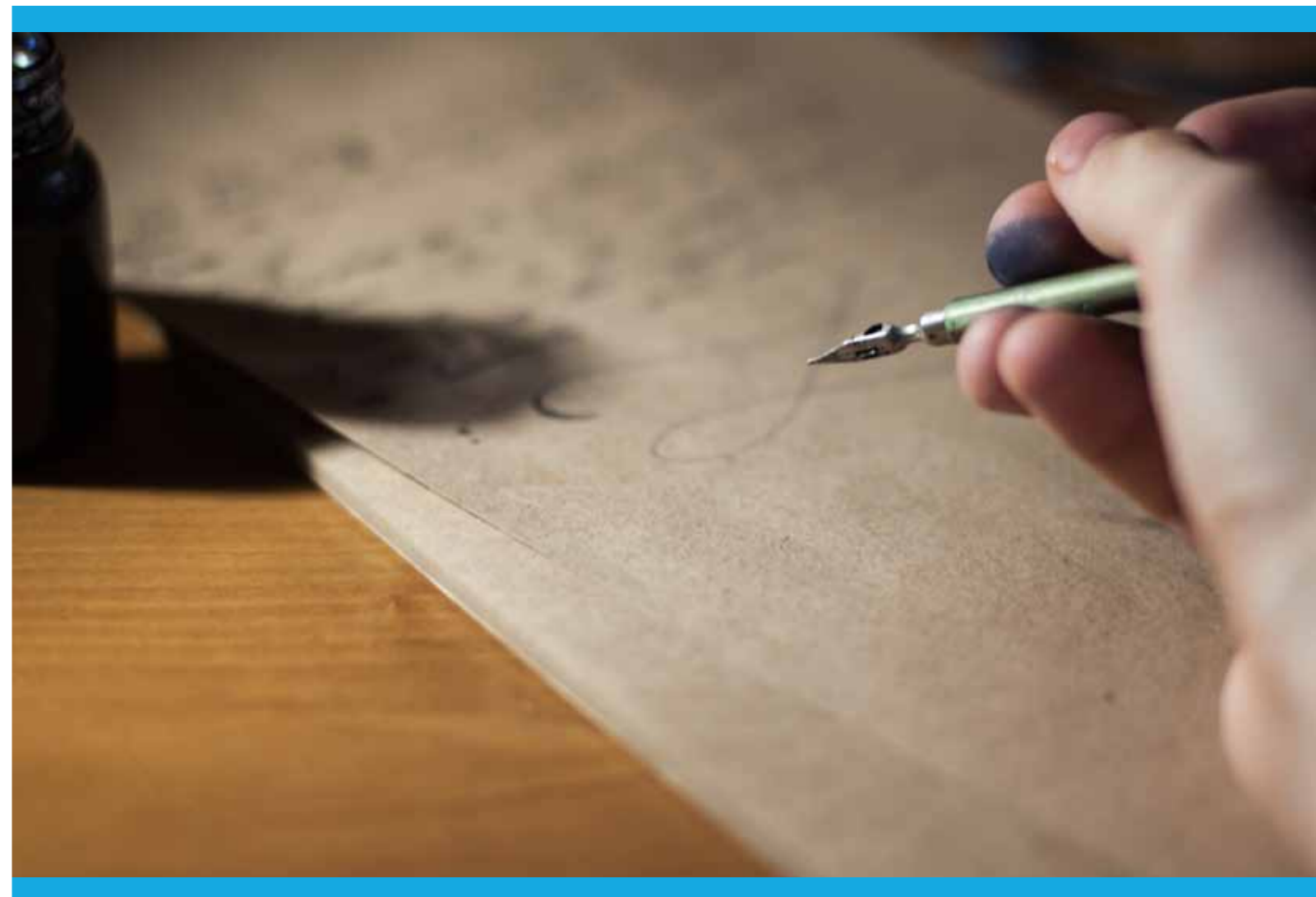
Năm 2017 là một năm ấn tượng của kinh tế Việt Nam khi đã hoàn thành toàn diện và vượt mức 13 chỉ tiêu kinh tế - xã hội Chính phủ đề ra. Trong đó, tốc độ tăng trưởng GDP đạt 6,81% - là mức tăng trưởng cao nhất trong vòng một thập kỷ trở lại đây, trong khi tỉ lệ lạm phát được kiểm soát ở mức 3,53%. Môi trường kinh doanh, năng lực cạnh tranh quốc gia Việt Nam cũng có những bước tiến vượt bậc. Theo Báo cáo của Ngân hàng Thế giới (WB), Việt Nam xếp hạng 68/190 nền kinh tế về môi trường kinh doanh, tăng 14 bậc so với năm 2017. Diễn đàn Kinh tế thế giới (WEF) xếp hạng năng lực cạnh tranh Việt Nam tăng 5 bậc trong năm 2017, đứng thứ 55/137 nước và tăng vọt 20 bậc so với 5 năm trước. Năm 2017 cũng đánh dấu kỷ lục về số lượng doanh nghiệp thành lập mới. Cả nước có 126.859 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới, với tổng vốn đăng ký là 1.295,9 nghìn tỷ đồng, tăng 15,2% về số doanh nghiệp và tăng 45,4% về số vốn đăng ký so với năm 2016.

Đối với bản thân Quảng Bình, 2017 là năm đầu tiên thực hiện Chiến lược phát triển kinh doanh cốt lõi của công ty giai đoạn 2017-2022. Doanh thu trong năm đạt gần 3.495 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 22,54 tỷ đồng. Mặc dù doanh thu và lợi nhuận chưa đạt được như kỳ vọng nhưng Quảng Bình vẫn tin tưởng vào những định hướng đã đề ra và nghiêm túc thực hiện các chiến lược đó. Năm 2018, công ty sẽ chú trọng nâng cao hiệu quả vận hành của Nhà máy NPK Đình Vũ và đẩy mạnh mức tiêu thụ của Nhà máy, đồng thời quản lý và khai thác có hiệu quả Cảng cạn ICD Quảng Bình - Đình Vũ xứng đáng với tiềm năng của một trong những cảng cạn lớn nhất khu vực Bắc.

Thay mặt Hội đồng quản trị, tôi xin chân thành cảm ơn các Quý Cổ Đông, các Nhà đầu tư đã luôn tin tưởng đồng hành cùng chúng tôi. Xin cảm ơn các Khách hàng đã tin tưởng sử dụng các sản phẩm, dịch vụ của Công ty. Và xin gửi lời cảm ơn đặc biệt nhất tới toàn thể cán bộ nhân viên của Quảng Bình - những người đã đóng góp trí tuệ, công sức và kinh nghiệm cho sự thành công hôm nay và là nền tảng thực hiện sứ mệnh của Công ty trong tương lai!

Thay mặt Hội đồng quản trị
Chủ tịch HĐQT

Nguyễn Thị Thanh Hương



01

THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY

Thông tin khái quát về công ty
Quá trình hình thành và phát triển
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
Mô hình quản trị và sơ đồ tổ chức
Định hướng phát triển
Quản trị rủi ro





THÔNG TIN

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình

GCNĐKDN	0200730878
Vốn điều lệ	639,999,280,000
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	693,299,280,000
Số điện thoại	(+84) 225.626.3333
Số fax	(+84) 225.353.3679
Website	quangbinhjsc.com.vn
Mã cổ phiếu	QBS
Địa chỉ:	Số 23, Lô 01, Khu 97 Bạch Đằng, Hạ Lý, Hồng Bàng, Hải Phòng.



TẦM NHÌN

Trở thành một doanh nghiệp hàng đầu trong việc sản xuất và cung cấp phân bón, hóa chất và vật tư nông nghiệp ở Việt Nam.



SỨ MỆNH

Quảng Bình cam kết cung cấp các sản phẩm và dịch vụ chất lượng cao phục vụ phát triển ngành nông nghiệp bền vững ở Việt Nam.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Chất lượng tốt nhất:

Chúng tôi luôn nỗ lực tối đa để mang đến sản phẩm và dịch vụ với chất lượng tốt nhất trong thời gian đúng hạn.

Chính trực:

Luôn phấn đấu để có được niềm tin của mọi đối tác và khách hàng, tạo niềm tin đối với cộng đồng.

Chuyên nghiệp:

Chuẩn hóa trong mọi hoạt động nhằm phục vụ khách hàng một cách hiệu quả nhất, nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Chăm sóc:

Chúng tôi luôn chăm sóc khách hàng một cách tận tâm, chu đáo để khách hàng luôn hài lòng về sản phẩm và dịch vụ chúng tôi cung cấp.

Đổi mới:

Luôn đổi mới, sáng tạo trong công việc và công nghệ để đem lại sản phẩm, dịch vụ tốt nhất cho khách hàng.

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH & PHÁT TRIỂN

Thành lập công ty Cổ phần XNK Quảng Bình

Thành lập với vốn điều lệ ban đầu là 1 tỷ đồng, trên cơ sở tách ra từ Công ty Cổ phần Hào Mỹ - một công ty đã có trên 30 năm kinh nghiệm kinh doanh thương mại nội địa về phân bón, hóa chất và nông sản.

Khánh thành Nhà máy NPK Đình Vũ

Nhà máy NPK Đình Vũ được xây dựng với tổng diện tích 50.000m², công suất 100.000 tấn/năm chuyên sản xuất phân NPK và phân lân mang thương hiệu Đình Vũ. Nhà máy bắt đầu đi vào hoạt động từ đầu năm 2013.

Khánh thành Nhà máy Barite

Nhà máy khai thác và chế biến Barite với tổng diện tích 3 ha có công suất 15-17 tấn/giờ do Công ty TNHH liên doanh DMC-VTS làm chủ đầu tư trên địa bàn tỉnh Savannakhet, Lào chính thức đi vào hoạt động ngày 19/06/2015. Tổng giá trị dự án là hơn 3,5 triệu USD, trong đó Quảng Bình tham gia góp 30% vốn đầu tư.

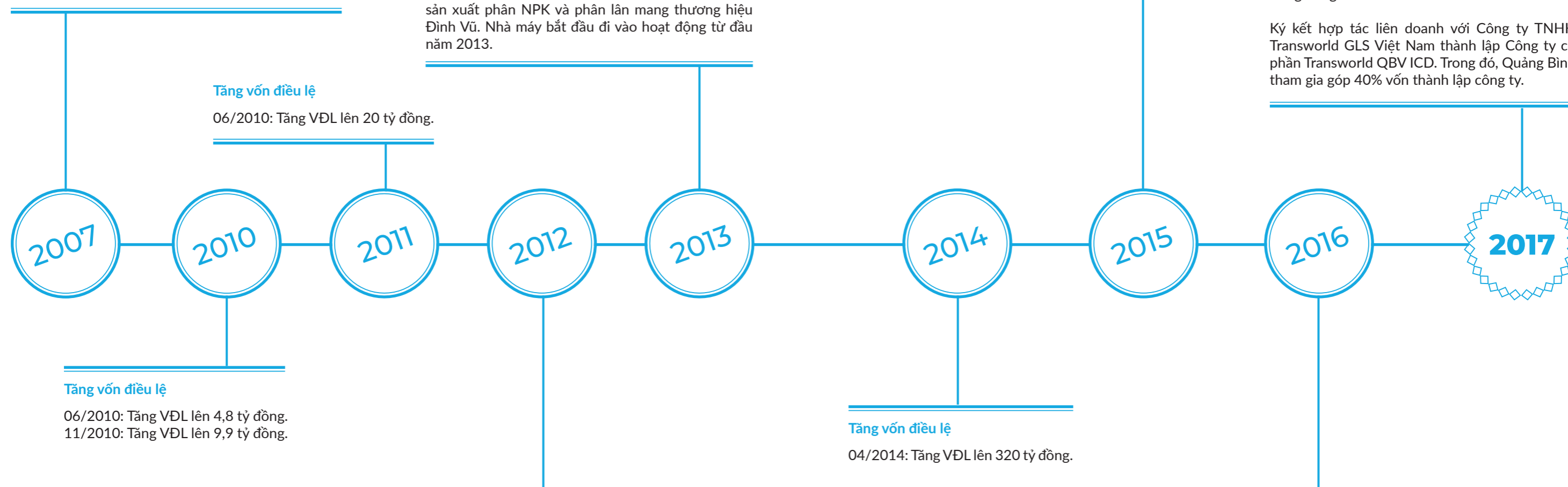
Tăng vốn điều lệ

12/2015: Tăng VĐL lên gần 640 tỷ đồng.

Đẩy mạnh hợp tác logistic

Thiết lập liên doanh chiến lược toàn diện trong lĩnh vực logistic với Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Sóng Thần.

Ký kết hợp tác liên doanh với Công ty TNHH Transworld GLS Việt Nam thành lập Công ty cổ phần Transworld QBV ICD. Trong đó, Quảng Bình tham gia góp 40% vốn thành lập công ty.



Tăng vốn điều lệ

06/2010: Tăng VĐL lên 4,8 tỷ đồng.
11/2010: Tăng VĐL lên 9,9 tỷ đồng.

Tăng vốn điều lệ

06/2010: Tăng VĐL lên 20 tỷ đồng.

Mở rộng lĩnh vực, ngành nghề

01/2012: Tăng VĐL lên 56 tỷ đồng.

Mở rộng lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh sang hoạt động dịch vụ kho bãi ngoại quan, tiếp nhận vận tải, thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu và tái xuất khẩu.

Mở thêm 01 văn phòng đại diện tại thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh và 01 chi nhánh tại khu kinh tế cửa khẩu Tà Lùng, huyện Phục Hòa, tỉnh Cao Bằng.

Đầu tư xây dựng cảng cạn ICD

Khởi công xây dựng ICD Quảng Bình - Đình Vũ. Dự án được đầu tư theo 2 giai đoạn, trong đó giai đoạn đầu được tiến hành xây dựng trên diện tích 10 ha (trên tổng số 26 ha) với số vốn đầu tư hơn 400 tỷ đồng, công suất kho hàng 100.000 tấn/năm, bãi chứa là 250.000 TEU/năm. Giai đoạn I của dự án được đưa vào hoạt động từ quý III/2016.

GIẢI THƯỞNG VÀ CÁC THÀNH TỰU ĐẠT ĐƯỢC



2009

- Doanh nghiệp xuất khẩu xuất sắc năm 2009
- Lãnh đạo Doanh nghiệp xuất khẩu xuất sắc năm 2009

2010

- Đơn vị thi đua xuất sắc năm 2010 của UBND Thành phố Hải Phòng

2011

- Đơn vị thi đua xuất sắc năm 2011 của UBND Thành phố Hải Phòng
- Bằng khen Giám đốc Nguyễn Thị Thanh Hương đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác năm 2010 -2011 của UBND Thành phố Hải Phòng
- Chứng nhận Top 100 Nhà cung cấp đáng tin cậy tại Việt Nam năm 2011 do Viện doanh nghiệp Việt Nam cấp
- Xây dựng doanh nghiệp và phong trào ủng hộ xã hội năm 2011
- Giấy khen Giám đốc Nguyễn Thị Thanh Hương đã có thành tích xuất sắc trong xây dựng Hiệp hội Doanh nghiệp Thủy Nguyên và phong trào ủng hộ năm 2011 do UBND huyện Thủy Nguyên cấp

2012

- Tập thể lao động xuất sắc năm 2012 của UBND Thành phố Hải Phòng
- Giấy khen về việc đạt thành tích trong công tác thu và nộp thuế trước hạn năm 2012 do Cục Hải quan Hải Phòng cấp
- Giấy khen đã có thành tích thực hiện tốt chính sách pháp luật thuế năm 2012 của Tổng cục Thuế
- Giấy khen Giám đốc Nguyễn Thị Thanh Hương đã có thành tích xuất sắc trong chỉ đạo sản xuất kinh doanh, thực hiện nộp ngân sách nhà nước năm 2012 của UBND huyện Thủy Nguyên

2013

- Nhà quản lý xuất sắc thời kỳ đổi mới năm 2013
- Chứng nhận Nhà cung cấp chất lượng năm 2013 do Viện doanh nghiệp Việt Nam cấp
- Chứng nhận Thương hiệu tin cậy năm 2013 do Viện nghiên cứu kinh tế phát triển cấp
- Chứng nhận Doanh nghiệp của năm 2013

2014

- Thành tích Xuất sắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh, xây dựng và phát triển Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa TP Hải Phòng năm 2014
- Chứng nhận Doanh nhân, doanh nghiệp của năm do Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam trao tặng năm 2014
- Chứng nhận Hàng Việt Nam chất lượng cao phù hợp tiêu chuẩn sản phẩm an toàn vì sức khỏe cộng đồng

2015

- Danh hiệu "Doanh nghiệp đồng hành cùng nhà nông" năm 2015
- Chứng nhận Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2015

2016

- Thương hiệu vàng Nông nghiệp Việt Nam năm 2016
- Chứng nhận Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2016

2017

- Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2017

SỰ KIỆN TIÊU BIỂU 2017



Tham dự Hội nghị Phân bón Quốc tế Argus FMB năm 2017

Công ty đã tham dự Hội nghị tại Bắc Kinh, Trung Quốc với sự góp mặt của hơn 500 nhà sản xuất phân bón, đại diện cho 54 quốc gia và hơn 300 công ty với tên tuổi của các tập đoàn thương mại, những nhà sản xuất phân bón hàng đầu thế giới như Samsung C&T, Deawoo, ETG, Helms, K+S, Sumitomo, Vân Thiên Hóa, Tường Phong, Luxi...

01

2017



Hợp tác chiến lược với Công ty CP ICD Tân Cảng Sóng Thần

Thiết lập liên doanh chiến lược toàn diện trong lĩnh vực logistic với Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Sóng Thần (trực thuộc Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn). Việc hợp tác liên doanh toàn diện sẽ giúp cho việc nhập khẩu và phân phối thực phẩm nhập khẩu của Công ty Quảng Bình được thuận lợi, từng bước góp phần vào tỷ trọng doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

05

2017



07

2017

Hội nghị tri ân khách hàng năm 2016

Ngày 03-04/01/2017, Công ty CP XNK Quảng Bình đã tổ chức thành công Hội nghị khách hàng NPK Đình Vũ năm 2016. Tham dự hội nghị có gần 300 đại lý NPK Đình Vũ tiêu biểu trên toàn quốc.



03

2017

Thành lập Chi bộ Đảng Công ty CP Xuất nhập khẩu Quảng Bình

Công ty CP XNK Quảng Bình đã long trọng tổ chức "Lễ đón nhận quyết định thành lập Chi bộ Đảng Công ty CPXNK Quảng Bình". Đây là sự kiện đánh dấu bước ngoặt quan trọng trong chặng đường xây dựng và phát triển của Công ty CP XNK Quảng Bình. Là niềm vinh dự, tự hào và cũng là trách nhiệm lớn lao của toàn thể Lãnh đạo, Đảng viên và CBCNV công ty.



06

2017

Ký kết hợp tác liên doanh thành lập Công ty CP Transworld QBV ICD.

Công ty CP XNK Quảng Bình và Transworld GLS Việt Nam đã thống nhất hợp tác, tiến hành ký kết hợp đồng liên doanh thành lập Công ty cổ phần TRANSWORLD QBV ICD. Công ty ra đời với mục đích kinh doanh dịch vụ kho bãi, lưu giữ hàng hóa, bốc xếp hàng hóa, dịch vụ đóng gói, thông quan hàng hóa nhập khẩu và các dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải đường bộ, đường sắt và đường thủy tại cảng ICD Quảng Bình - Đình Vũ.

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Thành lập từ năm 2007, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình được biết đến như một nhà xuất nhập khẩu hàng đầu Việt Nam về phân bón và hóa chất. Sau hơn 10 năm xây dựng và phát triển Công ty đã không ngừng đẩy mạnh phát huy lĩnh vực kinh doanh truyền thống, đồng thời mở rộng thêm nhiều mảng kinh doanh, sản xuất khác.

1

Sản xuất và kinh doanh phân bón

Thương mại phân bón: Công ty hiện đang phân phối hầu hết các sản phẩm phân bón vô cơ như DAP, Ure, Kali, SA, NPK, Phân lân,... Cả thị trường trong nước và xuất khẩu ra nước ngoài đều là thị trường chính của công ty.

Sản xuất phân bón: Công ty đã có Nhà máy NPK Đình Vũ tại Thủy Nguyên, Hải Phòng, chuyên sản xuất phân NPK và phân lân mang thương hiệu Đình Vũ với công suất tối đa 100.000 tấn/năm.

2

Xuất nhập khẩu hóa chất

Công ty hiện đang kinh doanh hai loại hóa chất chính là Lưu huỳnh và Axit sulfuric. Hai loại hóa chất này được công ty nhập khẩu và phân phối cho thị trường trong nước, khách hàng chủ yếu là các công ty sản xuất phân bón, giấy, đường, phụ gia thức ăn chăn nuôi và các loại ắc-quy.

3

Dịch vụ kho bãi ngoại quan, cảng cạn ICD

Cung ứng dịch vụ kho bãi ngoại quan cho các hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa, kiểm tra hải quan, kho bãi tại Hải Phòng, đáp ứng các tiêu chuẩn kho bãi ngoại quan của Tổng cục Hải quan quy định, được trang bị hệ thống camera cho phép theo dõi các hoạt động nhằm đảm bảo an ninh chặt chẽ.

4

Các hoạt động kinh doanh khác

Công ty hiện đang là nhà nhập khẩu độc quyền của một số mặt hàng bánh kẹo, nước uống.

Công ty cũng thực hiện nhập khẩu thực phẩm đông lạnh, đặt mục tiêu trong top 10 các nhà nhập khẩu sản phẩm đông lạnh của cả nước.

ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG

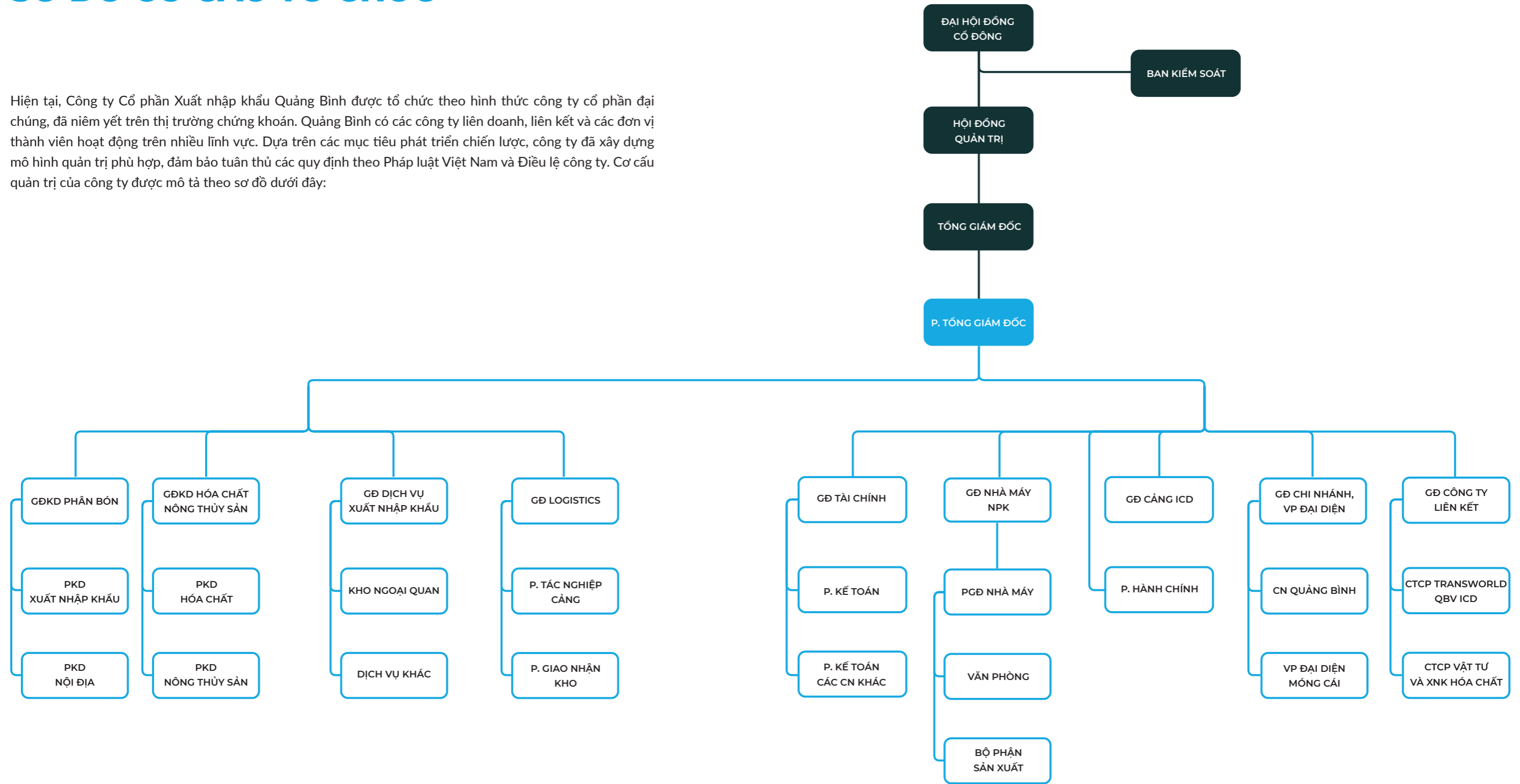


-  **Trụ sở công ty:** Số 23 - Lô 01 - Khu 97 Bạch Đằng, Hạ Lý, Hồng Bàng, Hải Phòng.
-  **Cảng cạn ICD Quảng Bình - Đình Vũ:** Khu công nghiệp Đình Vũ, Đông Hải 2, Hải An, Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, Hải Phòng.
-  **Nhà máy NPK:** Xóm 6, Cống Chanh, Đông Sơn, Thủy Nguyên, Hải Phòng.
-  **Văn phòng đại diện Móng Cái:** Số 30 khu Thượng Trung, Ninh Dương, Móng Cái, Quảng Ninh.
-  **Chi nhánh Quảng Bình:** Khu kinh tế Cửa khẩu Cha Lo, Dân Hóa, Minh Hóa, Quảng Bình.
-  **Kho ngoại quan Lào Cai:** Thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.
-  **Bãi trung chuyển và kiểm hóa Điện Biên:** Huyện Mường Chà & Mường Nhé, Điện Biên.

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC

Hiện tại, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình được tổ chức theo hình thức công ty cổ phần đại chúng, đã niêm yết trên thị trường chứng khoán. Quảng Bình có các công ty liên doanh, liên kết và các đơn vị thành viên hoạt động trên nhiều lĩnh vực. Dựa trên các mục tiêu phát triển chiến lược, công ty đã xây dựng mô hình quản trị phù hợp, đảm bảo tuân thủ các quy định theo Pháp luật Việt Nam và Điều lệ công ty. Cơ cấu quản trị của công ty được mô tả theo sơ đồ dưới đây:



CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty CP Vật tư và Xuất nhập khẩu Hóa chất

Địa chỉ: Số 4 Phạm Ngũ Lão, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: (024)382655377
Fax: (024)38257727
Website: www.vinachimex.com.vn
Email: contact@vinachimex.com.vn
Vốn điều lệ: 77,000,000,000 đồng
Vốn QBS góp: 27.945.000.000 đồng **

Ngành nghề kinh doanh chính: Kinh doanh, xuất nhập khẩu các sản phẩm phân bón, hóa chất, các loại máy móc thiết bị, phụ tùng, nguyên vật liệu phục vụ cho ngành hóa chất và ngành kinh tế khác.

** Theo hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng số 03-2017 ngày 14/12/2017 giữa Công ty và cá nhân ông Bùi Tố Minh, Công ty Cổ phần XNK Quảng Bình sẽ chuyển nhượng 2.794.500 cổ phần tại Công ty Cổ phần Vật tư và Xuất nhập khẩu Hóa chất cho cá nhân ông Bùi Tố Minh sau khi hết thời hạn chế chuyển nhượng. Số tiền nhận đặt cọc là toàn bộ giá trị giao dịch mua bán giữa hai bên. Sau khi nhận tiền đặt cọc, Công ty Cổ phần XNK Quảng Bình đã ủy quyền cho ông Bùi Tố Minh đại diện phần vốn góp của mình tại Công ty Cổ phần Vật tư và Xuất nhập khẩu Hóa chất. Ông Bùi Tố Minh được hưởng và chịu trách nhiệm đối với toàn bộ quyền, lợi ích và nghĩa vụ của Cổ đông Công ty Cổ phần Vật tư và Xuất nhập khẩu Hóa chất tương ứng với tỷ lệ sở hữu của công ty Cổ phần XNK Quảng Bình tại Công ty này.



36.29%

Công ty CP Transworld QBV ICD

Địa chỉ: Số 4 Phạm Ngũ Lão, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Vốn điều lệ: 20.000.000.000 đồng
Vốn QBS góp: 8.000.000.000 đồng

Ngành nghề kinh doanh chính: Kinh doanh dịch vụ kho bãi, lưu giữ hàng hóa, bốc xếp hàng hóa, dịch vụ đóng gói, thông quan hàng hóa nhập khẩu và các dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải đường bộ, đường sắt và đường thủy.



40%



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

BỐI CẢNH KINH TẾ VĨ MÔ 2017

Tình hình kinh tế thế giới

Kinh tế toàn cầu tiếp tục đà hồi phục mạnh mẽ trong năm 2017, tốc độ tăng trưởng GDP sơ bộ toàn cầu năm 2017 đạt 3%. Kinh tế toàn cầu khởi sắc phản ánh sự phục hồi ở các nền kinh tế tiên tiến đồng thời điều kiện xuất khẩu thương phẩm đang được cải thiện cho các quốc gia đang phát triển và thị trường mới nổi.

TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG GDP TOÀN CẦU (%)



Trong số các nền kinh tế tiên tiến, tăng trưởng tại Hoa Kỳ đang vực dậy do chi tiêu dùng đang phục hồi mặc dù thị trường lao động bị thắt chặt. Khu vực đồng Euro cũng tăng trưởng cao hơn dự kiến nhờ tình hình kinh tế được cải thiện chung ở các quốc gia, chi tiêu của hộ gia đình và tổng đầu tư toàn xã hội đều tăng lên. Tại Nhật Bản, tiêu dùng tư nhân tăng lên và đầu tư tư nhân được duy trì khiến cho tăng trưởng được đẩy mạnh. Trong số các quốc gia đang phát triển và thị trường mới nổi, tăng trưởng đã quay trở lại với Braxin và Liên bang Nga sau đợt suy thoái sâu, còn tăng trưởng của Trung Quốc vẫn ổn định. Tăng trưởng thương mại hàng hóa toàn cầu bắt đầu khôi phục từ giữa năm 2016 sau hai năm yếu kém rõ rệt và vẫn tiếp tục đi lên trong năm 2017 với tốc độ tăng khoảng 4%. Thương mại toàn cầu đang được phục hồi toàn diện, với tốc độ tăng trưởng theo xu hướng đi lên ở cả các nền kinh tế tiên tiến cũng như ở các quốc gia đang phát triển và thị trường mới nổi.

Tốc độ tăng trưởng GDP (%)	2015	2016	2017	2018F	2019F
Thế giới	2.8	2.4	3.0	3.1	3.0
Hoa Kỳ	2.9	1.5	2.3	2.5	2.2
Trung Quốc	6.9	6.7	6.8	6.4	6.3
EU	2.1	1.8	2.4	2.1	1.7
Việt Nam	6.7	6.2	6.8	6.5	6.5

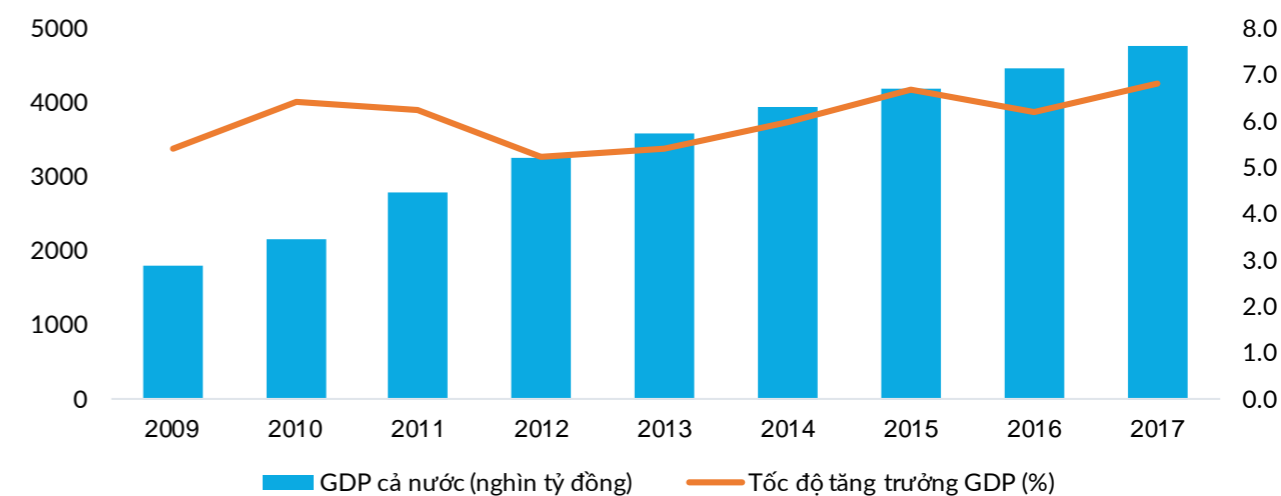
Nguồn: World Bank.

Ngân hàng Thế giới dự báo tốc độ tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2018 sẽ tăng và đạt mức 3,1% tiếp tục thời kỳ tăng trưởng cao hơn dự đoán trong năm 2017 nhờ đầu tư, công nghiệp chế tạo và thương mại đều hồi phục và do các nền kinh tế xuất khẩu nguyên vật liệu được hưởng lợi từ xu thế tăng giá các loại mặt hàng này. Tăng trưởng tại các nền kinh tế phát triển dự kiến sẽ giảm nhẹ xuống mức 2,2% trong năm 2018 do các ngân hàng trung ương sẽ giảm dần các biện pháp kích cầu sau khủng hoảng và xu thế tăng trưởng đầu tư bị chậm lại. Tăng trưởng tại thị trường mới nổi và các nền kinh tế đang phát triển dự báo sẽ đạt 4,5% nhờ tăng trưởng tại các nước xuất khẩu nguyên vật liệu.

Tình hình kinh tế Việt Nam

Mặc dù khởi đầu năm 2017 một cách khó khăn, nhưng với sự quyết tâm nỗ lực và chỉ đạo, giao chỉ tiêu tới từng Bộ, ngành, lĩnh vực của Chính phủ, nền kinh tế quay đầu và đạt mức tăng ngoạn mục vào nửa cuối năm. Hoàn thành và vượt mức tất cả 13 chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội Quốc hội đề ra.

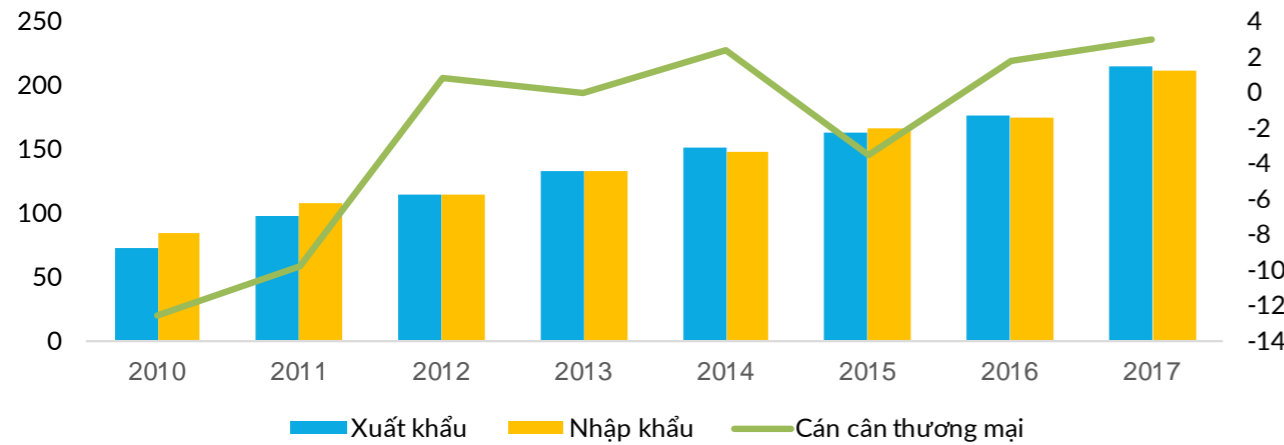
GDP VIỆT NAM



Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2017 ước tính tăng 6,81% so với năm 2016, trong đó quý I tăng 5,15%; quý II tăng 6,28%; quý III tăng 7,46%; quý IV tăng 7,65%. Mức tăng trưởng năm nay vượt mục tiêu đề ra 6,7% và cao hơn mức tăng của các năm từ 2011-2016, khẳng định tính kịp thời và hiệu quả của các giải pháp được Chính phủ ban hành, chỉ đạo quyết liệt các cấp, các ngành, các địa phương cùng nỗ lực thực hiện.

Lãi suất huy động trong năm tương đối ổn định. Lãi suất huy động bằng đồng Việt Nam phổ biến ở mức 0,8%-1%/năm đối với tiền gửi không kỳ hạn và kỳ hạn dưới 1 tháng; 4,3%-5,4%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng; 5,3%-6,5%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến dưới 12 tháng; kỳ hạn trên 12 tháng ở mức 6,5%-7,3%/năm. Mặt bằng lãi suất cho vay phổ biến của các lĩnh vực ưu tiên ở mức 6%-6,5%/năm đối với ngắn hạn, 9%-10%/năm đối với trung và dài hạn. Lãi suất cho vay các lĩnh vực sản xuất kinh doanh thông thường ở mức 6,8%-9%/năm đối với ngắn hạn; 9,3%-11%/năm đối với trung và dài hạn. Nhìn chung, cơ cấu tín dụng tiếp tục theo hướng tập trung vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh được ưu tiên, các dự án lớn trọng tâm, trọng điểm theo chủ trương của Chính phủ nhằm hỗ trợ có hiệu quả cho tăng trưởng kinh tế.

KIM NGẠCH XUẤT NHẬP KHẨU (TỶ USD)



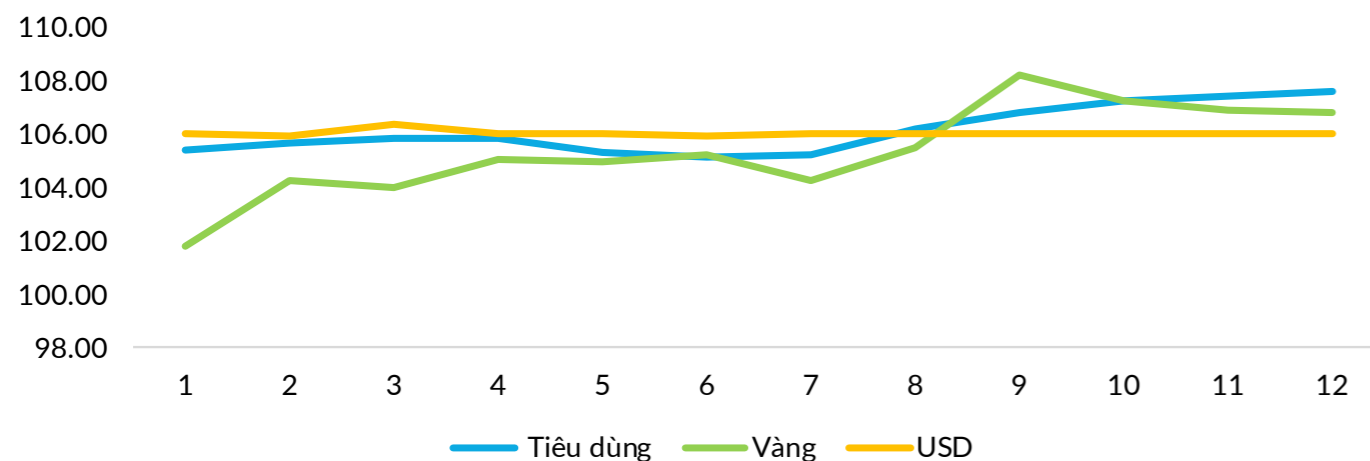
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tính đến hết tháng 12/2017, tổng trị giá xuất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam đạt 425,12 tỷ USD, tăng 21%, tương ứng tăng 73,74 tỷ USD so với năm 2016; trong đó tổng trị giá xuất khẩu đạt 214,02 tỷ USD, tăng 21,2%, tương ứng tăng 37,44 tỷ USD, và tổng trị giá nhập khẩu đạt 211,1 tỷ USD, tăng 21%, tương ứng tăng 36,3 tỷ USD so với năm 2016. Qua đó, đưa cán cân thương mại hàng hóa cả nước năm 2017 thặng dư 2,91 tỷ USD.

Về cơ cấu kim ngạch hàng hóa xuất khẩu năm nay, nhóm hàng công nghiệp nặng và khoáng sản đạt 106 tỷ USD, tăng 32,4% so với năm trước và chiếm 49,6% tổng kim ngạch hàng hóa xuất khẩu (tăng 4,2 điểm phần trăm so với năm 2016); nhóm hàng công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp đạt 79,6 tỷ USD, tăng 11,7% và chiếm 37,2% (giảm 3,1 điểm phần trăm); nhóm hàng nông, lâm sản đạt 19,8 tỷ USD, tăng 9% và chiếm 9,3% (giảm 1 điểm phần trăm); hàng thủy sản ước tính đạt 8,4 tỷ USD, tăng 18,5% và chiếm 3,9% (giảm 0,1 điểm phần trăm).

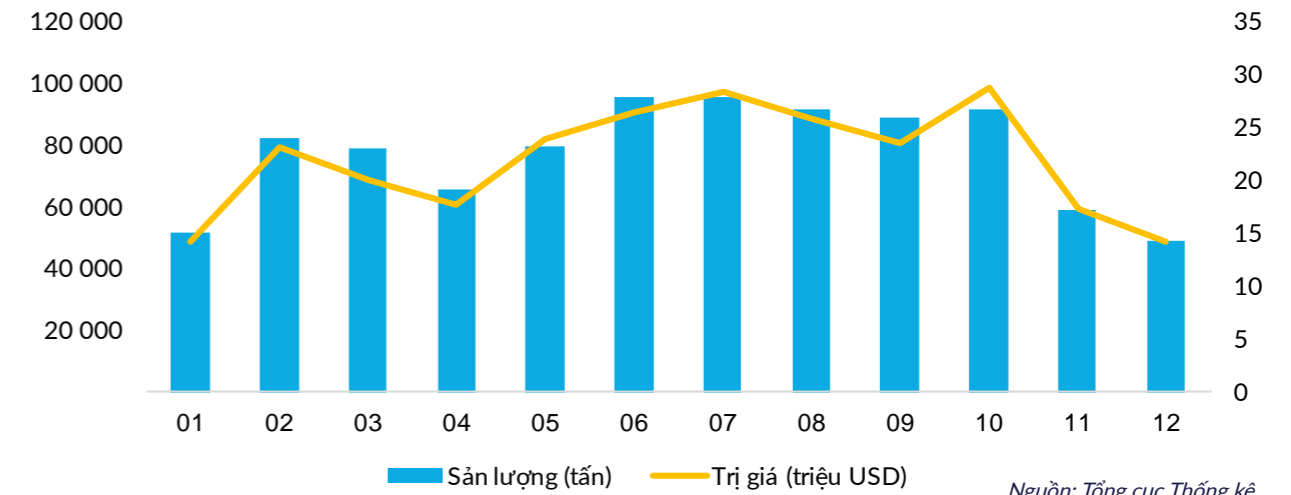
Về thị trường hàng hóa xuất khẩu năm 2017, Hoa Kỳ vẫn là thị trường dẫn đầu với 41,5 tỷ USD, tăng 8% so với năm 2016. Tiếp đến là EU đạt 38,3 tỷ USD, tăng 12,8%; Trung Quốc đạt 35,3 tỷ USD, tăng 60,6%; thị trường ASEAN đạt 21,7 tỷ USD, tăng 24,5%; Nhật Bản đạt 16,8 tỷ USD, tăng 14,2%; Hàn Quốc đạt 15 tỷ USD, tăng 31,1%.

CHỈ SỐ GIÁ (%)



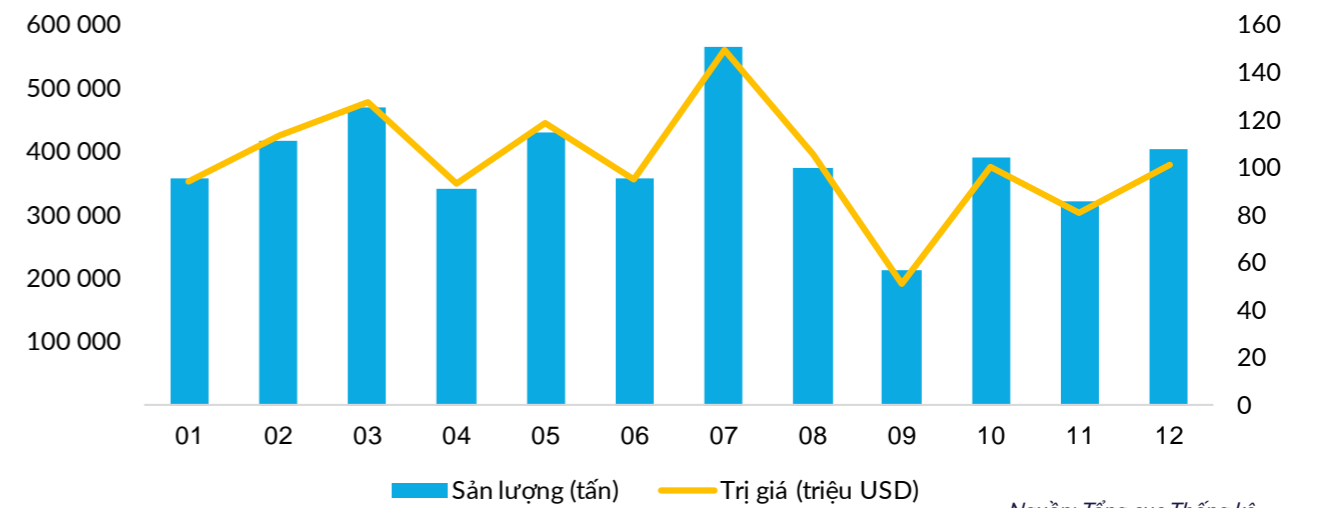
Nguồn: Tổng cục thống kê

GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU PHÂN BÓN 2017



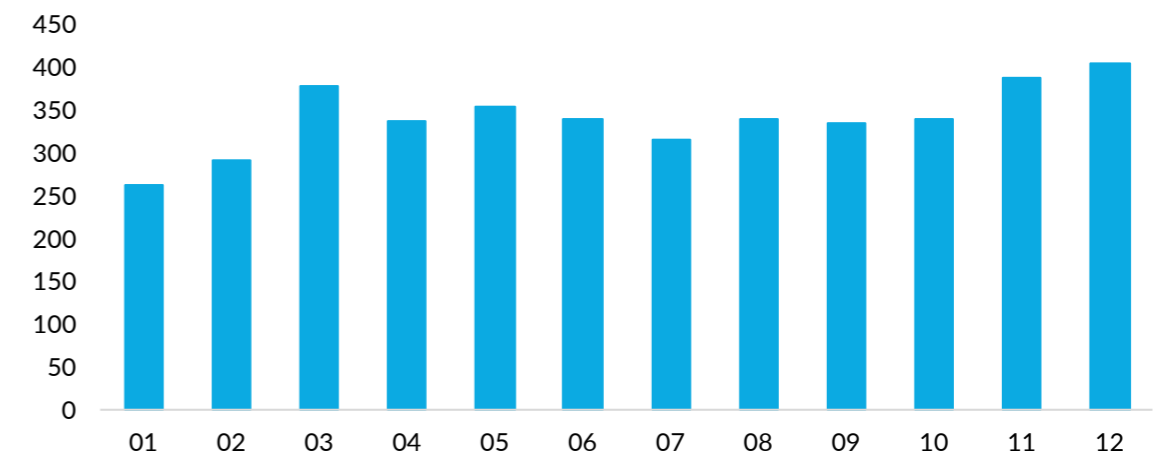
Nguồn: Tổng cục Thống kê

GIÁ TRỊ NHẬP KHẨU PHÂN BÓN 2017



Nguồn: Tổng cục Thống kê

GIÁ TRỊ NHẬP KHẨU HÓA CHẤT 2017 (TRIỆU USD)



Nguồn: Tổng cục Thống kê

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÔNG TY

Mảng phân bón

Xuất khẩu

Tiếp tục phát triển hình ảnh và thương hiệu Công ty Cổ Phân XNK Quảng Bình là doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất và thương mại phân bón trên thị trường Quốc tế.

Quảng bá và phát triển mạnh các mặt hàng phân bón đặc biệt là những mặt hàng thế mạnh của Công ty như DAP, NPK. Tập trung quảng bá các sản phẩm của Nhà máy NPK Đình Vũ ra thị trường khu vực và thế giới.

Tìm kiếm nhập khẩu các sản phẩm phân bón mới, các nguyên liệu trung, vi lượng phục vụ sản xuất NPK của nhà máy NPK Đình Vũ và phục vụ thương mại nội địa.

Giữ vững mối quan hệ tốt đẹp với các đối tác của Công ty đồng thời tìm kiếm và phát triển thêm các khách hàng mới trong khu vực và trên thế giới.

Nội địa

Đổi mới mặt hàng thương mại nội địa: Duy trì những mối quan hệ khách hàng truyền thống, chào bán những sản phẩm nguyên liệu do công ty chủ động nhập khẩu, cũng như tìm nguồn hàng nội địa phù hợp để chào bán. Tìm hiểu thêm các Nhà máy sản xuất phân bón trong cả nước, xây dựng thêm các mối quan hệ bạn hàng mới, chào bán phát triển mảng thương mại nội địa các mặt hàng phân bón.

Đối với sản phẩm NPK Đình Vũ: Cùng cố hệ thống phân phối NPK Đình Vũ đã xây dựng, thường xuyên quan tâm chăm sóc mạng lưới đại lý truyền thống, nhằm duy trì và phát triển lượng hàng bán. Đẩy mạnh công tác thị trường, tìm hiểu kỹ đặc tính từng vùng miền, tăng cường các hoạt động như hội thảo với bà con nông dân thực hiện các mô hình trình diễn, phát thanh huyện xã, quảng cáo truyền hình. ... nhằm quảng bá rộng rãi cho sản phẩm NPK Đình Vũ.

Tiếp tục đa dạng hóa sản phẩm, nghiên cứu thêm các dòng sản phẩm hàm lượng cao, sử dụng AN, SOP. . . ; các dòng sản phẩm đặc trưng cho từng loại cây trồng, vùng đất khác nhau; bổ sung cân đối các trung, vi lượng... Sản xuất các hàm lượng riêng cho từng loại cây đặc trưng của từng vùng như: chè Thái nguyên, Cam Cao Phong – Hòa Bình, Vải thiều – Hải Dương, Nhân lồng Hưng Yên...

Mảng hóa chất & hàng hóa khác

Duy trì đà tăng trưởng của những mặt hàng thế mạnh hóa chất như là Lưu huỳnh và axit sulphuric... Đồng thời phát triển thêm vào một số loại sản phẩm hóa chất khác mà nhà cung cấp nước ngoài sẵn có.

Giữ vững thị phần và định hướng phát triển năm sau cao hơn năm trước các mặt hàng thực phẩm động lạnh.

Dịch vụ kho bãi, cảng cạn và các dịch vụ khác

Củng cố chất lượng dịch vụ, xây dựng các chính sách phù hợp để tiếp tục thu hút thêm nhiều khách hàng mới. Thu hút thêm nhân lực có trình độ, kinh nghiệm trong lĩnh vực logistics. Tiếp tục đầu tư hoàn thiện các dự án kho bãi, cảng cạn



Định hướng phát triển trung và dài hạn

Tiếp tục thực hiện chiến lược kinh doanh cốt lõi đã được ĐHĐCĐ thông qua đầu năm 2017 của Công ty giai đoạn 2017-2022, cụ thể:

Tập trung vào quản lý và khai thác vận hành cảng cạn ICD Quảng Bình – Đình Vũ, dịch vụ kho bãi và kho ngoại quan

Nâng cao hiệu quả vận hành Nhà máy NPK Đình Vũ và đẩy mạnh sản lượng tiêu thụ sản phẩm của Nhà máy.



Định hướng phát triển bền vững

Đảm bảo tuân thủ đầy đủ và thực hiện nghiêm túc các Quy định Pháp luật liên quan đến Bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của công ty.

Tích cực tham gia các hoạt động tình nguyện vì cộng đồng, quan tâm đến các gia đình chính sách, có hoàn cảnh khó khăn.

Chăm sóc đời sống tinh thần, công đoàn, lương thưởng cho CBNV trong Công ty.



CÁC RỦI RO & PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ RỦI RO

Rủi ro về kinh tế

Sự phát triển của nền kinh tế sẽ tác động đến mọi lĩnh vực, ngành nghề và đối tượng trong nền kinh tế, trong đó có Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình. Các rủi ro hình thành từ biến động của các chỉ số kinh tế vĩ mô chính như tốc độ tăng trưởng GDP, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái....

Năm 2017, kinh tế thế giới tiếp tục đà phục hồi. Hoạt động đầu tư, thương mại toàn cầu có xu hướng cải thiện rõ rệt cùng với niềm tin của người tiêu dùng tăng lên là các yếu tố tác động tích cực đến sản xuất trong nước. Tổng sản phẩm trong nước năm 2017 đạt 6,81%, mức tăng trưởng năm nay vượt mục tiêu đề ra 6,7% và cao hơn mức tăng của các năm từ 2011-2016. Lãi suất huy động và tỷ giá hối đoái trong năm tương đối ổn định, lạm phát được kiểm chế ở mức 3,5%.

Công ty luôn theo sát những chuyển biến của nền kinh tế Thế giới và Việt Nam để có thể kịp thời ứng phó với rủi ro.

Rủi ro pháp luật

Là doanh nghiệp hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, hoạt động của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình chịu sự điều chỉnh của các văn bản pháp luật về doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản liên quan đến thị trường chứng khoán. Luật và các văn bản dưới luật trong lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của doanh nghiệp. Ngoài ra, hoạt động của Công ty cũng chịu tác động lớn từ các quy định đặc thù liên quan đến ngành sản xuất và kinh doanh phân bón, xuất nhập khẩu như Luật thương mại, Luật cạnh tranh và các quy định khác liên quan đến hoạt động thương mại, quản lý sản xuất phân bón, hóa chất.

Để hạn chế rủi ro này, Công ty luôn chú trọng nghiên cứu, nắm bắt các quy định mới của Pháp luật, theo sát đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước. Từ đó xây dựng chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh đúng pháp luật và phù hợp với từng thời kỳ.

Rủi ro môi trường

Hiện nay, ngoài thương mại phân bón, công ty còn tham gia sản xuất các loại phân NPK và phân lân. Nguyên vật liệu đầu vào chính để sản xuất phân NPK là các loại phân đơn như đạm gồm Urea hoặc SA, lân gồm DAP hoặc TSP.

Hoạt động sản xuất phân bón thải ra môi trường một lượng chất độc hại rất lớn. Các khí thải ra như CO₂, SO₂, NO₂, và một số loại chất thải rắn... đây đều là những nhân tố gây ô nhiễm không khí và hiệu ứng nhà kính. Hơn nữa, chất hóa học dư thừa từ phân bón thải ra môi trường nước và bốc hơi vào không khí cũng là nguyên nhân gây ô nhiễm. Do đó xu hướng sản xuất các loại phân chậm tan, hạn chế bị rửa trôi và bốc hơi cũng như công nghệ sản xuất ít gây ô nhiễm môi trường sẽ đặt ra nhiều thách thức cho các doanh nghiệp phân bón. Ngoài ra, các quy định và chính sách trên thế giới và Việt Nam về môi trường sẽ ảnh hưởng tới nguồn cung nguyên vật liệu sản xuất của doanh nghiệp và gây tác động mạnh đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Quảng Bình.

Nhằm hạn chế, giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường, Quảng Bình đã sử dụng dây chuyền sản xuất hiện đại được nhập khẩu từ Đức trong hoạt động sản xuất. Ngoài ra, Quảng Bình cam kết thực hiện các chính sách về môi trường, các hướng dẫn quản lý và sử dụng hóa chất độc hại theo quy định Pháp luật để giảm thiểu tối đa các tác động xấu của quá trình sản xuất kinh doanh đến môi trường xung quanh.



Rủi ro đặc thù ngành

Rủi ro hoạt động sản xuất và kinh doanh phân bón

Hiện nay tình trạng dư thừa nguồn cung của thị trường thế giới do các nước mở rộng nhà máy sản xuất đang tạo áp lực giảm giá đối với các sản phẩm phân bón nói chung. Theo Ngân hàng thế giới (WB), việc giá khí thiên nhiên tại Mỹ ở mức thấp đã gây tác động đến ngành công nghiệp phân bón trên toàn cầu. Nhiều công ty sản xuất phân bón trên thế giới đang chuyển nhà máy về Mỹ nhằm tận dụng lợi thế về giá khí thiên nhiên - nguồn nguyên liệu chính của một số loại phân bón. Giá phân bón trong nước những năm vừa qua gặp phải nhiều bất lợi do cạnh tranh từ phân bón giá rẻ Trung Quốc - nước chiếm tỷ trọng kim ngạch nhập khẩu phân bón lớn nhất của Việt Nam. Như vậy, sức ép cạnh tranh từ phân đạm nhập khẩu sẽ tiếp tục gia tăng và gây khó khăn cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực này.

Tuy nhiên, Việt Nam với lợi thế là nước nông nghiệp với diện tích gieo trồng lớn, tiềm năng thị trường các nước lân cận (Lào, Campuchia, Myanmar...), triển vọng dài hạn đối với các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh phân bón vẫn khả quan, đặc biệt đối với các doanh nghiệp đầu tư sản xuất sản phẩm chất lượng cao cùng mạng lưới khách hàng ổn định như Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình.

Dưới góc độ cạnh tranh, hiện nay, thị trường phân bón trong nước được đánh giá là có mức độ cạnh tranh cao với trên 500 doanh nghiệp sản xuất phân vô cơ, hàng ngàn cơ sở sản xuất phân bón hữu cơ. Bên cạnh đó việc hàng nhái, hàng giả, kém chất lượng đang khiến không ít doanh nghiệp gặp phải khó khăn. Tuy nhiên, với mạng lưới khách hàng ổn định kinh nghiệm và uy tín trong lĩnh vực này, ban lãnh đạo Công ty đã từng bước xây dựng mạng lưới khách hàng ổn định, giao hàng đúng hạn, đảm bảo giá cả như cam kết, với nhiều chính sách bán hàng nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của Công ty. Mặt khác dưới góc độ là nhà sản

xuất, Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Quảng Bình luôn đưa ra các biện pháp nâng cao năng lực sản xuất, chất lượng sản phẩm, PR thương hiệu sản phẩm NPK Đình Vũ, chiếm lĩnh, giữ vững và liên tục gia tăng thị phần trên thị trường.

Dưới góc độ rủi ro nguyên liệu đầu vào của hoạt động sản xuất phân bón của Công ty, hiện nay Công ty mới chủ yếu sản xuất phân NPK trộn. Nguyên liệu chính đối với hoạt động này là các loại phân nguyên liệu chứa Đạm, Lân và Kali như phân DAP, Ure, Map, Sa,... Một điều thuận lợi cho hoạt động này tại Công ty, đó là các loại nguyên liệu đầu vào này hầu hết chính là các loại mặt hàng phân đạm mà Công ty đang trực tiếp mua bán thương mại hằng ngày, do đó Công ty có thể đảm bảo được hầu hết nguyên liệu đầu vào. Bên cạnh đó, Công ty cũng luôn chủ động tìm kiếm các nhà cung cấp mới trong và ngoài nước, ký kết các hợp đồng giữ giá nhằm ổn định đầu vào, giảm tác động từ giá nguyên liệu tới hoạt động sản xuất của Công ty.

Rủi ro lĩnh vực thương mại

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xuất nhập khẩu hàng hóa, mọi biến động tỷ giá cũng như giá cả hàng hóa có thể ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, nhờ chính sách mua bán linh hoạt cùng uy tín, mối quan hệ tốt với khách hàng là các tập đoàn lớn trên thế giới và các ngân hàng thương mại, Công ty đã xây dựng cơ chế thống nhất về việc ổn định giá cả với khách hàng, nhằm giảm thiểu tác động của biến động tỷ giá, giá cả hàng hóa đến tình hình lợi nhuận, doanh thu của tất cả các bên, đảm bảo hoạt động kinh doanh được duy trì ổn định đồng thời giảm được rủi ro cạnh tranh về giá cả trên thị trường. Mặt khác, hơn một năm trở lại đây, nhờ chính sách bán hàng linh động, chuyển hàng trực tiếp cho khách hàng từ kho của nhà cung cấp, Công ty đã giảm thiểu được các chi phí lưu kho và các chi phí quản lý có liên quan, hạn chế rủi ro giảm giá hàng tồn kho.



Rủi ro lĩnh vực kinh doanh hóa chất

Hoạt động động chính của Công ty trong lĩnh vực kinh doanh hóa chất là nhập khẩu và phân phối hóa chất cho thị trường Việt Nam. Theo đó, Công ty chịu những rủi ro chung liên quan đến biến động giá cả đầu vào, biến động tỷ giá ... Tương tự như lĩnh vực thương mại nêu trên, việc xây dựng cơ chế hợp tác, ổn định giá cả với khách hàng cùng với chính sách bán hàng linh động đã mang lại hiệu quả cho Công ty trong việc kiểm soát chi phí, giảm thiểu cạnh tranh giá cả trên thị trường. 2016.

Rủi ro lĩnh vực dịch vụ

Lĩnh vực dịch vụ như kho ngoại quan, cửa hàng miễn thuế chịu rủi ro chủ yếu từ những thay đổi trong cơ chế chính sách quản lý của Chính phủ, nhằm thắt chặt quản lý và nâng cao chất lượng dịch vụ nói chung. Trong năm 2013, Nhà nước đã ban hành Thông tư 128/2013/TT-BTC quy định về việc quản lý trong lĩnh vực hải quan. Theo đó, Nhà nước chủ trương thắt chặt các yêu cầu đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực này nhằm hạn chế việc thành lập tràn lan các kho ngoại quan; qua đó tạo điều kiện cho các doanh nghiệp có tiềm lực vững mạnh và định hướng phát

triển rõ ràng. Những quy định ngày càng chặt chẽ đối với các mảng dịch vụ xuất nhập khẩu, kho ngoại quan khiến nhiều doanh nghiệp vừa và nhỏ đã không đáp ứng đủ điều kiện, tuy nhiên cũng nhờ đó, rủi ro cạnh tranh trong lĩnh vực này đã giảm đáng kể. Với tiềm lực tài chính bền vững và mối quan hệ chặt chẽ với địa phương, Công ty CP XNK Quảng Bình luôn đảm bảo bám sát các tiêu chuẩn, yêu cầu do các Bộ, Ban, Ngành đề ra; mặt khác duy trì hệ thống khách hàng ổn định, giảm thiểu rủi ro cạnh tranh trên thị trường.

Rủi ro khác

Một số rủi ro mang tính bất khả kháng mà công ty có thể phải đối mặt như hỏa hoạn, thiên tai, cháy nổ, động đất... Những rủi ro này tuy ít có khả năng xảy ra nhưng có thể đem lại thiệt hại vô cùng lớn cho Công ty.

Do đó, QBS chủ động phòng tránh bằng các biện pháp bảo hiểm tài sản, bảo hiểm cho người lao động, trang bị kiến thức về Phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động cho cán bộ công nhân viên...



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG 2017

02

Tình hình hoạt động SXKD 2017

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư và thực hiện dự án

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư CSH

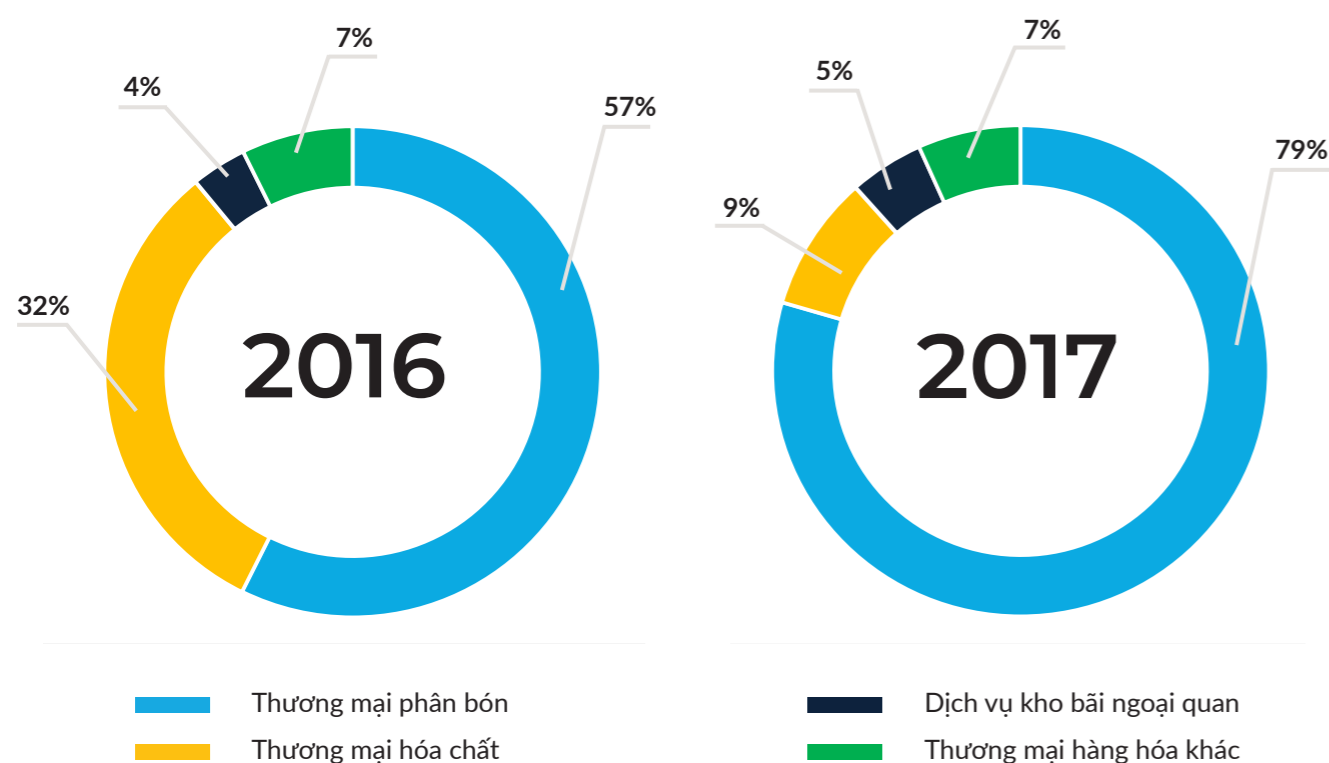
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

KẾT QUẢ KINH DOANH SO VỚI NĂM 2016

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	TH 2016	TH 2017	2017/2016 (%)
Doanh thu thuần	4.173.940	3.494.784	83,73%
Giá vốn hàng bán	3.999.833	3.316.798	82,92%
Lợi nhuận trước thuế	24.023	28.686	119,41%
Lợi nhuận sau thuế	19.503	22.539	115,57%

CƠ CẤU DOANH THU



TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	KH 2017	TH 2017	Hoàn thành (%)
Doanh thu thuần	3.900.000	3.494.784	89,61%
Lợi nhuận sau thuế	85.000	22.539	26,52%

Tổng doanh thu năm 2018 đạt 3.495 tỷ đồng, giảm 679 tỷ đồng, tương ứng giảm 16% so với năm 2016. Doanh thu hoạt động tài chính giảm 29,804 tỷ đồng, tương ứng giảm 69% so với năm 2016. Thu nhập khác tăng 18,762 tỷ so với năm 2016, tương ứng tăng 1.412,03%.

Tổng giá vốn hàng bán giảm 683 tỷ đồng, tương ứng giảm 17% so với năm 2016. Chi phí tài chính giảm 33,727 tỷ đồng tương ứng giảm 21,7% so với năm 2016 vì do trong năm 2017 Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng khoản đầu tư tài chính đối với khoản đầu tư vào Công ty CP DAP - VINACHEM là 21,568 tỷ đồng. Chi phí khác tăng 21,039 tỷ so với năm 2016 tương ứng tăng 7.308,8% do trong năm 2017 công ty thực hiện chuyển nhượng 01 tài sản cố định.

Ngoài ra, QBS sẽ chuyển nhượng 2.794.500 cổ phần tại Công ty CP Vật tư và XNK Hóa chất cho ông Bùi Tố Minh sau khi hết thời hạn hạn chế chuyển nhượng; Công ty thực hiện trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư là 20,369 tỷ đồng trong Quý IV/2017.

Vì sự tăng giảm của các chỉ tiêu trên nên tổng lợi nhuận sau thuế năm 2017 tăng 3,036 tỷ đồng so với năm 2016, tương ứng 15% và đạt 26,52% so với kế hoạch đã đề ra tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.



TỔ CHỨC & NHÂN SỰ

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Bà Nguyễn Thị Thanh Hương

Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Thị Thanh Hương là người tâm huyết và có bề dày kinh nghiệm nhiều năm trong quản lý, kinh doanh trong các lĩnh vực phân bón, hóa chất, xuất nhập khẩu. Bà Hương có mối quan hệ sâu rộng với tập đoàn Hóa chất Việt Nam và các tập đoàn hóa chất lớn trên thế giới. Bà Hương định hướng Công ty phát triển theo mô hình bền vững, trở thành một doanh nghiệp hàng đầu trong việc sản xuất và cung cấp phân bón, hóa chất và vật tư nông nghiệp ở Việt Nam.

Bà Hương tốt nghiệp cử nhân kinh tế và từng giữ các chức vụ: quản lý kinh doanh cao cấp tại Công ty CP XNK Hào Mỹ, Giám đốc Công ty Cổ phần XNK Quảng Bình.

Ông Nguyễn Văn Khoái

Thành viên Hội đồng quản trị

Trước khi gia nhập Công ty, Ông Nguyễn Văn Khoái có hơn 15 năm trong lĩnh vực kinh doanh, tài chính. Là một người nhiệt huyết, trách nhiệm với công việc, ông luôn là tấm gương trong công việc đối với cán bộ công nhân viên. Bên cạnh đó, Ông Khoái đã dành nhiều công sức để xây dựng định hướng phát triển của Công ty gắn với lợi ích của xã hội, góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững nền nông nghiệp Việt Nam.

Hiện Ông Khoái là Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Xuất Nhập Khẩu Quảng Bình và là Quản lý tài chính cao cấp tại Công ty CP XNK Hào Mỹ.



Bà Bùi Thị Ngọc

Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng

Với nhiều năm công tác trong lĩnh vực Tài chính - Kế toán, Bà Bùi Thị Ngọc sở hữu sự am hiểu sâu rộng về lĩnh vực này. Trước khi gia nhập Công ty, bà từng giữ nhiều vị trí cao cấp tại các doanh nghiệp: Kế toán trưởng Công ty CP XNK Súc sản Gia cầm HP; Kế toán nội bộ Công ty CP XNK Khoáng sản Miền Trung.

Bà Bùi Thị Ngọc tốt nghiệp Cử nhân kế toán và hiện là Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng Công ty cổ phần Xuất Nhập Khẩu Quảng Bình.

Ông Phạm Sỹ Thạc

Thành viên Hội đồng quản trị

Ông Phạm Sỹ Thạc tốt nghiệp Cử nhân Văn hóa Du lịch. Là người nhiệt huyết và luôn coi trọng phát triển nguồn nhân lực, ông Thạc đã dành nhiều công sức của mình để đào tạo chuyên môn nghiệp vụ, cũng như chăm lo đến đời sống vật chất lẫn tinh thần của cán bộ công nhân viên của Công ty. Ông là người đi đầu trong công tác đổi mới tác phong làm việc chuyên nghiệp, hiệu quả và xây dựng văn hóa doanh nghiệp.

Ông Thạc hiện đang là Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Kinh doanh Hóa chất và Nông thủy sản tại Công ty cổ phần Xuất Nhập Khẩu Quảng Bình.



Ông Nguyễn Mạnh Tuấn

Thành viên Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Mạnh Tuấn tốt nghiệp Cử nhân Quản trị kinh doanh và Cử nhân ngoại ngữ, và có bề dày kinh nghiệm trong quản lý cũng như trong hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu.

Hiện Ông Tuấn là Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Kinh doanh Công ty cổ phần Xuất Nhập Khẩu Quảng Bình.

BAN KIỂM SOÁT

Bà Đặng Thị Phương Thảo

Trưởng Ban kiểm soát

Sinh ngày: 25/11/1986

Bà Đặng Thị Phương Thảo có nhiều năm hoạt động và có sự am hiểu sâu sắc về chuyên môn trong lĩnh vực kế toán – tài chính. Bà từng giữ các chức vụ quan trọng như Kế toán, Kiểm toán nội bộ tại CTCP Hào Mỹ, Kế toán tại Công ty TNHH Vận tải Hoàng Dương.

Bà Thảo hiện là Trưởng Ban Kiểm soát kiêm Trưởng phòng kinh doanh nội địa của Công ty cổ phần Xuất Nhập Khẩu Quảng Bình.

Bà Nguyễn Thị Quỳnh Trang

Thành viên Ban kiểm soát

Sinh ngày: 22/08/1981

Bà Trang tốt nghiệp Cử nhân chuyên ngành ngoại ngữ, có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực xuất nhập khẩu và kế toán. Với những kinh nghiệm tích lũy được, Bà đã có nhiều đóng góp trong việc giám sát các hoạt động của công ty, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của công ty và cổ đông.

Hiện Bà Nguyễn Thị Quỳnh Trang là thành viên Ban Kiểm soát kiêm Chuyên viên Xuất Nhập Khẩu của Công ty cổ phần Xuất Nhập Khẩu Quảng Bình.

Bà Trần Thị Thu Trang

Thành viên Ban kiểm soát

Sinh ngày: 10/04/1985

Bà Trang tốt nghiệp chuyên ngành kế toán, có kinh nghiệm nhiều năm trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán. Với những kinh nghiệm tích lũy được trong môi trường làm việc chuyên nghiệp, bà luôn là người có nhiều đóng góp trong việc nâng cao hiệu quả vận hành và tính minh bạch của Công ty.

Bà Trần Thị Thu Trang giữ chức vụ thành viên Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Xuất Nhập Khẩu Quảng Bình.

Trong năm 2017, Ban kiểm soát có sự thay đổi nhân sự, đó là:

Bà Vũ Hồng Nhung: Thôi làm thành viên Ban kiểm soát từ ngày 24/03/2017.

Bà Trần Thị Thu Trang: Được bầu làm thành viên Ban kiểm soát ngày 24/03/2017.

BAN GIÁM ĐỐC

Bà Nguyễn Thị Thanh Hương

Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Sinh ngày: 12/02/1977

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Hành chính.

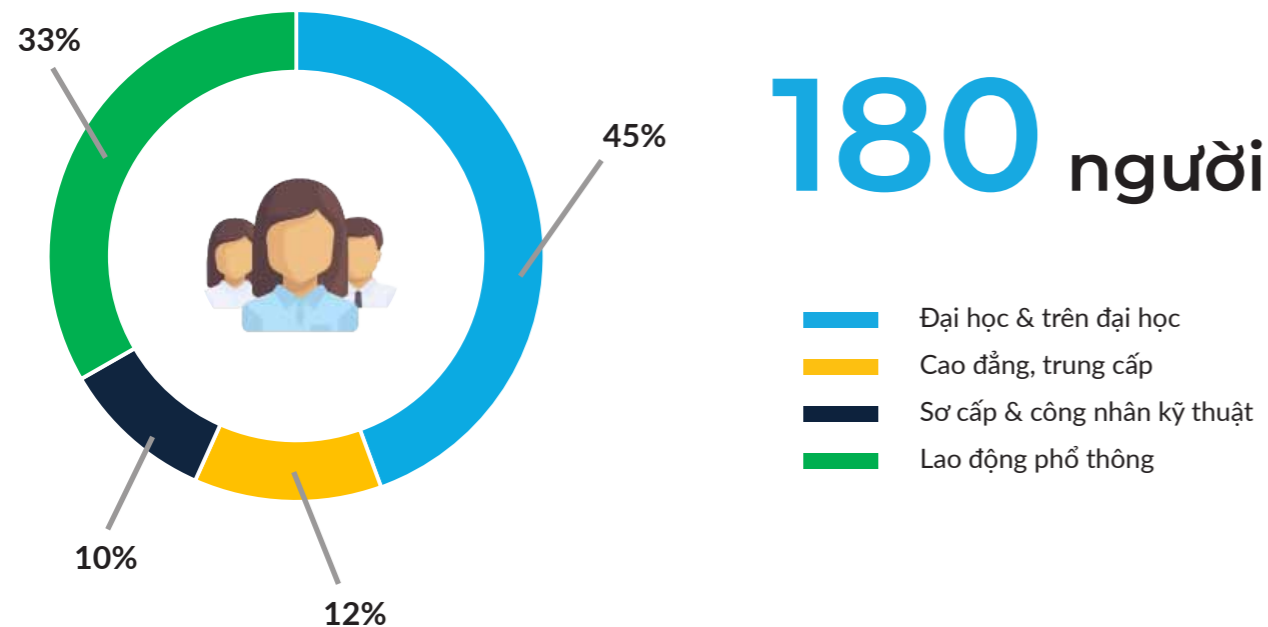
Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1999 - 2006	Công ty CP XNK Hào Mỹ	Nhân viên kinh doanh
2007 - 30/04/2014	Công ty CP XNK Quảng Bình	Giám đốc
04/2014 - Nay	Công ty CP XNK Quảng Bình	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
12/2014 - Nay	Công ty CP DAP-Vinachem	Thành viên HĐQT
10/2015 - Nay	Công ty CP Vật tư và XNK Hóa chất	Chủ tịch HĐQT

TỶ LỆ NẤM GIỮ CỔ PHẦN QBS CỦA HĐQT, BAN KIỂM SOÁT, BAN GIÁM ĐỐC

Họ & tên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
Nguyễn Thị Thanh Hương	Chủ tịch HĐQT kiêm TGD	9.200.579	13.27%
Nguyễn Văn Khoái	Thành viên HĐQT	2.000.000	2.88%
Bùi Thị Ngọc	Thành viên HĐQT	14.950	0.02%
Phạm Sỹ Thạc	Thành viên HĐQT	235.130	0.34%
Nguyễn Mạnh Tuấn	Thành viên HĐQT	517.250	0.75%
Đặng Thị Phương Thảo	Trưởng BKS	3.450	0.005%
Nguyễn Thị Quỳnh Trang	Thành viên BKS	305.750	0.44%
Trần Thị Thu Trang	Thành viên BKS	3.450	0.005%

NHÂN SỰ & CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

CƠ CẤU NHÂN SỰ THEO TRÌNH ĐỘ



CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút được lao động có năng lực và trình độ chuyên môn phù hợp vào làm việc tại Công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng quy mô hoạt động của Công ty. Tùy theo từng vị trí cụ thể mà Công ty đưa ra những tiêu chuẩn riêng, song tất cả các chức danh đều phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản về trình độ, kinh nghiệm và ý thức trong công việc. Đối với các vị trí quan trọng, việc tuyển dụng chặt chẽ hơn với các yêu cầu về kinh nghiệm công tác, khả năng phân tích, tác nghiệp độc lập.

Công ty có chính sách lương, thưởng và những chế độ đãi ngộ cao dành cho các nhân viên giỏi, có trình độ học vấn cao và có nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan đến ngành nghề hoạt động của Công ty

nhằm một mặt tạo tâm lý ổn định cho nhân viên và thu hút nguồn nhân lực giỏi về làm việc cho Công ty.

Chế độ làm việc

Về thời gian làm việc: công ty tổ chức làm việc 8 tiếng/ngày, 6 ngày/tuần, nghỉ trưa 1,5 tiếng. Người lao động được nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết, ốm đau thai sản thực hiện theo quy định của Bộ luật Lao động.

Văn phòng, nhà xưởng được trang bị đầy đủ máy móc thiết bị phục vụ cho công việc. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.

Chính sách khen thưởng, kỷ luật:

Người lao động trong Công ty ngoài tiền lương được hưởng theo hợp đồng cố định còn được trả lương căn cứ theo trình độ, năng lực và hiệu quả công việc được giao.

Ngoài chế độ tiền lương, Công ty thực hiện đầy đủ công bằng các chế độ chính sách khuyến khích người lao động như tiền ăn ca, tiền lễ tết, thưởng hoàn thành kế hoạch. Luôn tạo cho người lao động yên tâm, phấn khởi thi đua trong lao động sản xuất. Công ty thường xuyên kiểm tra việc thực hiện các chế độ chính sách về tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho cán bộ công nhân viên, nâng bậc lương hàng năm theo kỳ cho nhân viên trong Công ty.

Công ty luôn tạo điều kiện cho người lao động được học tập, nâng cao kiến thức về chuyên môn, nghiệp

vụ, thường xuyên cử cán bộ tham gia các khóa tập huấn, đào tạo ngắn hạn, dài hạn về các nghiệp vụ.

Công ty có chính sách khen thưởng xứng đáng với các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, có đóng góp sáng kiến về giải pháp kỹ thuật giúp đem lại hiệu quả kinh doanh cao. Đồng thời, Công ty áp dụng các biện pháp, quy định xử phạt đối với các cán bộ có hành vi gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động và hình ảnh của Công ty.

Các tổ chức quần chúng được tạo điều kiện hoạt động và nhận được sự quan tâm của các cấp lãnh đạo. Ngoài ra chế độ thăm hỏi, hiếu hỷ, ốm đau đối với người lao động cũng như người thân luôn được Công ty quan tâm thực hiện.



TÌNH HÌNH

ĐẦU TƯ & THỰC HIỆN DỰ ÁN

Đầu tư thành lập Công ty Cổ phần Transworld QBV ICD

Ngày 14/07/2017, Công ty Cổ phần XNK Quảng Bình và Công ty TNHH Transworld GLS Việt Nam đã tổ chức Lễ ký hợp đồng hợp tác liên doanh về việc thành lập pháp nhân mới là Công ty cổ phần Transworld QBV ICD.

Công ty Cổ phần Transworld QBV ICD ra đời với mục đích kinh doanh dịch vụ kho bãi, lưu giữ hàng hóa, bốc xếp hàng hóa, dịch vụ đóng gói, thông quan hàng hóa nhập khẩu và các dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải đường bộ, đường sắt và đường thủy tại cảng ICD Quảng Bình – Đình Vũ. Đầu tư dịch vụ vận tải, thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu (khai thác ICD – Inland clearance depart) với quy mô giai đoạn 1 là 10ha. Bên cạnh đó, QBS tiếp tục xây dựng kế hoạch triển khai đưa vào xây dựng giai đoạn 2 với quy mô gần 9 ha còn lại.

Theo Nghị quyết số 02-12/2017 HĐQT về việc góp vốn và cử người đại diện quản lý vốn góp tại Công ty Cổ phần Transworld QBV ICD:

- Vốn góp của QBS: 8.000.000.000 đồng.
- Tỷ lệ sở hữu: 40%.
- Người đại diện quản lý vốn góp: Bà Nguyễn Thị Thanh Hương - Chủ tịch HĐQT CTCP XNK Quảng Bình.

Tiến độ dự án ICD Quảng Bình – Đình Vũ

Mục tiêu dự án: Kinh doanh dịch vụ kho bãi, lưu giữ hàng hóa, bốc xếp hàng hóa, dịch vụ đóng gói, thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu và các dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải đường bộ, đường sắt và đường thủy.

Quy mô dự án:

- Công suất kho dự tính 20.000 tấn. Sản lượng ước tính 180.000 tấn/năm;
- Bãi chứa container: 30.000 TEU/tháng.
- Diện tích: 184.992 m²

Địa điểm: Lô CN4.4F, CN4.4G, CN4.4H, Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thuộc Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, Hải Phòng.

Tổng vốn đầu tư dự án: 875.750.000.000 đồng

- Đến tháng 6/2016 đã góp: 137.441.319.319 đồng.
- Đến tháng 6/2018 sẽ góp: 125.283.680.681 đồng.

Tiến độ thực hiện dự án đầu tư:

- Giai đoạn I:
 - + Quý I/2016: Bắt đầu xây dựng ;
 - + Quý II/2016: Hoàn thành xây dựng cơ bản;
 - + Quý III/2016: Vận hành thương mại.
- Giai đoạn II:
 - + Quý IV/2016: Bắt đầu xây dựng;
 - + Quý IV/2017: Hoàn thành xây dựng cơ bản,;
 - + Quý III/2018: Bắt đầu vận hành thương mại.

TÌNH HÌNH

TÀI CHÍNH 2017

CÁC CHỈ TIÊU KẾT QUẢ KINH DOANH

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2016	2017	Thay đổi
Tổng giá trị tài sản	2.163.393	2.030.075	-6.16 %
Doanh thu thuần	4.173.940	3.494.784	-16.27 %
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	22.983	29.922	30.19 %
Lợi nhuận trước thuế	24.023	28.686	19.41 %
Lợi nhuận sau thuế	19.503	22.539	15.57 %

CƠ CẤU TÀI SẢN

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	Thay đổi
Tài sản ngắn hạn	1.208.695	1.094.196	-9%
Tiền và các khoản tương đương tiền	241.534	64.283	-73%
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	17.000	11.969	-30%
Các khoản phải thu ngắn hạn	806.957	856.622	6%
Hàng tồn kho	117.447	144.187	23%
Tài sản ngắn hạn khác	25.757	17.135	-33%
Tài sản dài hạn	954.699	935.879	-2%
Tài sản cố định	249.364	354.535	42%
Tài sản dở dang dài hạn	60.381	3.141	-95%
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	320.150	274.567	-14%
Tài sản dài hạn khác	324.805	303.636	-7%
Tổng cộng tài sản	2.163.393	2.030.075	-6%

CƠ CẤU NGUỒN VỐN

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/ 2017	Thay đổi
NỢ PHẢI TRẢ	1.375.492	1.220.968	-11%
Nợ ngắn hạn	1.074.379	897.294	-16%
Phải trả cho người bán	283.407	99.969	-65%
Người mua trả tiền trước	1.063	89.695	8338%
Thuế và các khoản phải nộp NN	11	3.549	32164%
Phải trả người lao động	663	0	-100%
Chi phí phải trả	349	706	102%
Phải trả ngắn hạn khác	1.706	27.692	1523%
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	783.316	670.734	-14%
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.864	4.949	28%
Nợ dài hạn	301.113	323.674	7%
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	301.113	323.674	7%
VỐN CHỦ SỞ HỮU	787.901	809.107	3%
Tổng cộng nguồn vốn	2.163.393	2.030.075	-6%

THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/ 2017
Thuế Giá trị gia tăng	-	3.549
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	11	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-
Tổng	11	3.549

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	ĐVT	2016	2017
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	1,13	1,22
Hệ số thanh toán nhanh	lần	1,02	1,06
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số nợ/tổng tài sản	lần	0,64	0,60
Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	lần	1,75	1,51
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	vòng	21,9	25,4
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	vòng	1,93	1,72
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	0,58	0,82
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH	%	3,13	3,59
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng TS	%	1,11	1,41
Hệ số lợi nhuận từ hoạt động KD/ Doanh thu thuần	%	0,55	0,86

Năm 2017, các hệ số thanh toán của QBS tiếp tục ổn định, tăng nhẹ so với năm 2016. Hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh lần lượt là 1,22 và 1,06 đều lớn hơn năm trước và lớn hơn 1, thể hiện khả năng thanh khoản tương đối tốt của công ty.

Hệ số nợ/tổng tài sản và hệ số nợ/vốn chủ sở hữu lần lượt là 0,6 và 1,51, đều thấp hơn so với năm 2016 thể hiện cơ cấu tài chính lành mạnh, khả năng rủi ro thanh khoản thấp và duy trì tốt việc quản lý vốn lưu động của Công ty.

Vòng quay hàng tồn kho là 25,4 cao hơn so với năm 2016 là 21,9 do sự gia tăng dự trữ nguyên vật liệu và thành phẩm của Công ty trong năm.

Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời năm 2017 đều duy trì tốt và cao hơn so với năm 2016, phản ánh hiệu quả hoạt động kinh doanh của QBS trong năm 2017 đã dần ổn định sau năm 2016 đầy khó khăn.

CỔ ĐÔNG

& THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU

THÔNG TIN CỔ PHẦN

Tính đến hết ngày 31/12/2017, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình đã phát hành **69.329.928** cổ phiếu,

Trong đó:

- Số cổ phiếu phổ thông: 69.329.928 cổ phiếu
- Số cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phiếu
- Số cổ phiếu đang lưu hành: 69.329.928 cổ phiếu
- Số cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

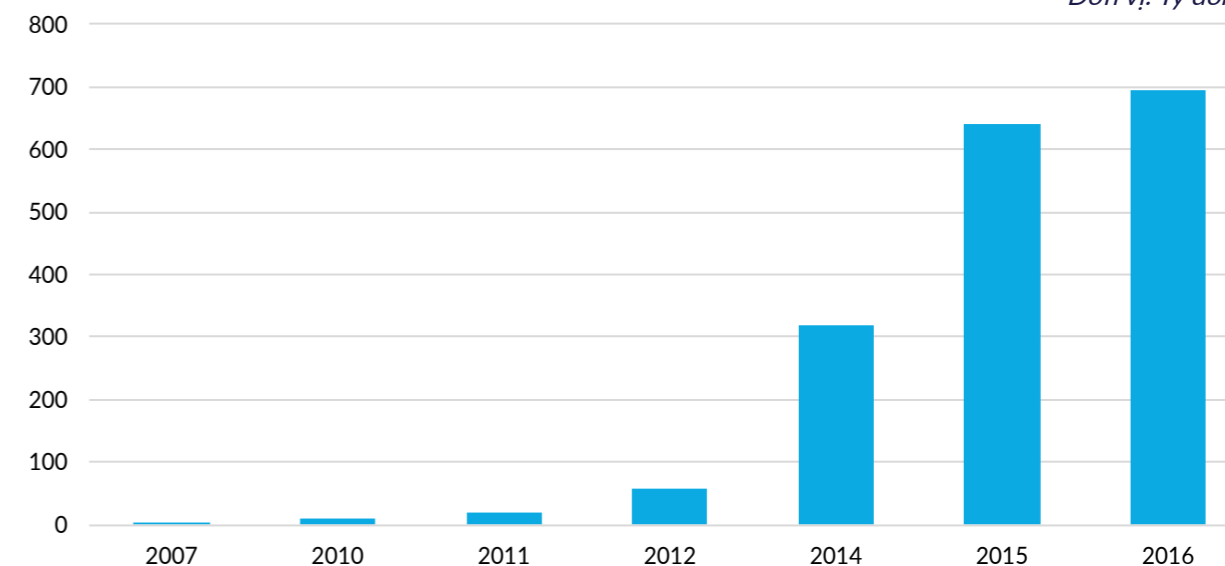
STT	Tên cổ đông	Số lượng CP	Giá trị (mệnh giá)	Tỷ lệ
1	Cổ đông lớn	14.200.579	10.000 đ	20,48%
2	Cổ đông nhỏ	55.129.349	10.000 đ	79,52%
	Cổ phiếu quỹ	0	10.000 đ	0%
	Tổng	69.329.928	10.000 đ	100%
1	Cổ đông trong nước	69.323.848	10.000 đ	99,99%
2	Cổ đông nước ngoài	6.080	10.000 đ	0,01%
	Cổ phiếu quỹ	0	10.000 đ	0%
	Tổng	69.329.928	10.000 đ	100%
1	Cổ đông tổ chức	32.613	10.000 đ	0,05%
2	Cổ đông cá nhân	69.297.315	10.000 đ	99,95%
	Cổ phiếu quỹ	0	10.000 đ	0%
	Tổng	69.329.928	10.000 đ	100%

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU

Trong năm 2017, Công ty không tiến hành đợt phát hành tăng vốn nào.

LỊCH SỬ TĂNG VỐN

Đơn vị: Tỷ đồng



DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

Tên tổ chức/cá nhân	Số CMND	Địa chỉ	Số lượng CP	Tỷ lệ
Nguyễn Thị Thanh Hương	031073000555	327 Phố Mới, Tân Dương, Thủy Nguyên, Hải Phòng	9,200,579	13,27%
Nguyễn Thanh Bình	031177000067	Số 23 Lô 01 Khu 97 Bạch Đằng, Hạ Lý, Hồng Bàng, Hải Phòng	5,000,000	7,21%

03

BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC

Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Phương hướng phát triển



ĐÁNH GIÁ

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH

Tình hình vĩ mô

Năm 2017 là một năm đầy ấn tượng của kinh tế thế giới. Có thể thấy, chưa khi nào kể từ cuộc khủng hoảng kinh tế - tài chính toàn cầu năm 2008, các nền kinh tế lớn thế giới lại đồng thời phát đi dấu hiệu lạc quan như hiện nay. Các hoạt động thương mại, đầu tư toàn cầu cải thiện rõ rệt cùng với niềm tin của người tiêu dùng tăng lên là các yếu tố tác động tích cực đến sản xuất trong nước. Tuy nhiên, xu hướng gia tăng của chủ nghĩa dân túy, chủ nghĩa bảo hộ sản xuất, bảo hộ mậu dịch cùng những thay đổi về địa chính trị, chính sách thương mại của một số nước lớn đang là những thách thức đối với kinh tế nước ta.

Đối với kinh tế Việt Nam, tốc độ tăng trưởng GDP đạt 6,7% - mức cao nhất trong gần 10 năm qua và vượt mục tiêu 6,7% mà Chính phủ đã đề ra. Kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát ở mức 3.53%; kim ngạch xuất nhập khẩu Việt Nam chạm ngưỡng 400 tỷ USD, xuất siêu 2,7 tỷ USD, khu vực công nghiệp phục hồi rõ nét, trở thành động lực quan trọng của tăng trưởng kinh tế. Cuối năm 2017, chỉ số VN Index tăng 43% so với cuối năm 2016 và nằm trong 05 chỉ số chứng khoán trên thế giới tăng trưởng mạnh nhất từ đầu năm 2017. Giá trị vốn hóa thị trường cổ phiếu cuối năm 2017 tăng lên xấp xỉ 68,5% GDP.

Tình hình công ty

Trong năm 2017, QBS đã thực hiện chiến lược kinh doanh cốt lõi, hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhà máy NPK Đình Vũ nói riêng, mảng phân bón nói chung đã dần ổn định, đẩy doanh thu từ mảng phân bón tăng so với năm 2016.

Hoàn thành việc xây dựng và đưa vào sử dụng dịch vụ kho ngoại quan, hệ thống kho lạnh, kho bãi tại Cảng ICD Quảng Bình Đình Vũ. Bên cạnh đó trong năm 2017, QBS và Công ty Transworld GLS Việt Nam (trực thuộc tập đoàn Transworld Singapore) đã thống nhất hợp tác tiến hành ký kết hợp đồng liên doanh thành lập pháp nhân mới hoạt động trong lĩnh vực logistic và mang tên Công ty cổ phần TRANSWORLD QBV ICD. Công ty Cổ phần Transworld QBV ICD ra đời với mục đích kinh doanh dịch vụ kho bãi, lưu giữ hàng hóa, bốc xếp hàng hóa, dịch vụ đóng gói, thông quan hàng hóa nhập khẩu và các dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải đường bộ, đường sắt và đường thủy tại cảng ICD Quảng Bình - Đình Vũ. Đầu tư dịch vụ vận tải, thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu (khai thác ICD - Inland clearance depart) với quy mô giai đoạn 1 là 10ha. Bên cạnh đó, QBS tiếp tục xây dựng kế hoạch triển khai đưa vào xây dựng giai đoạn 2 với quy mô gần 9 ha còn lại.

DOANH THU **3945 TỶ**

LỢI NHUẬN SAU THUẾ **22,54 TỶ**

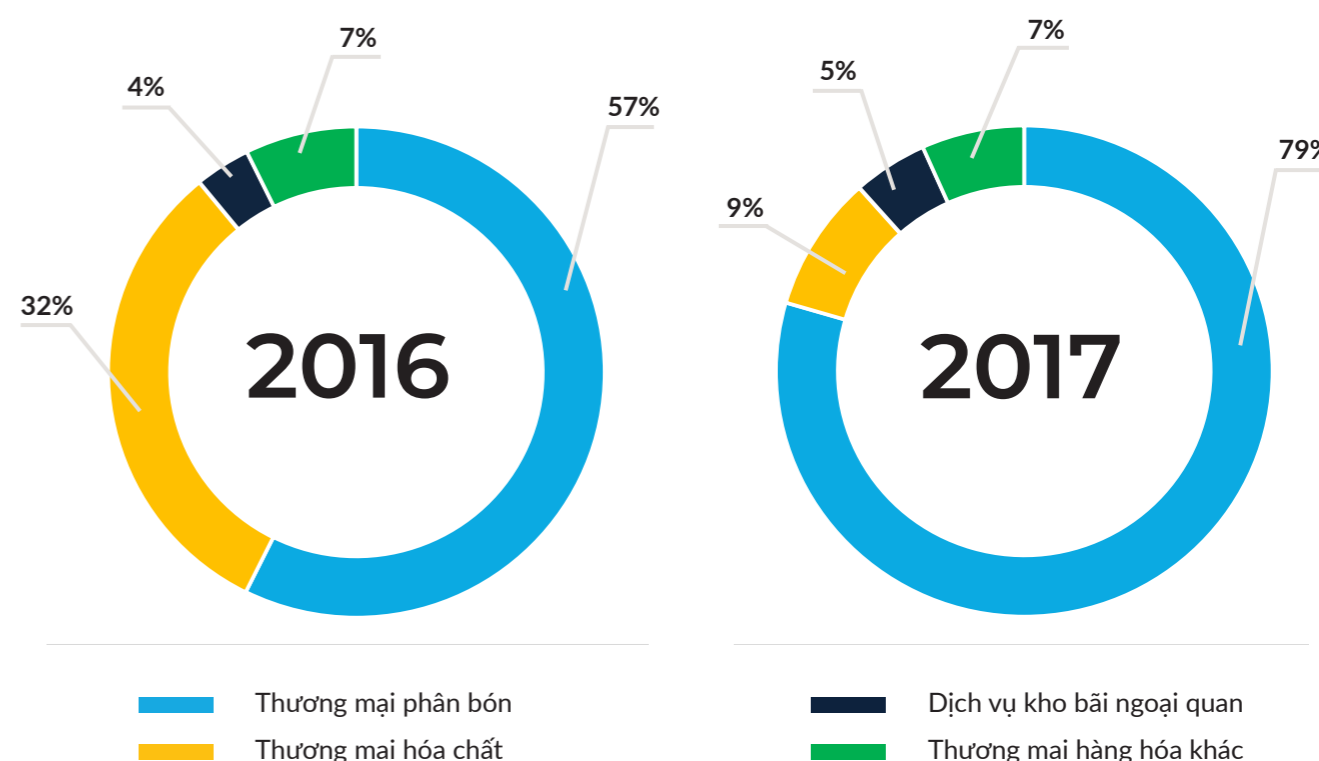
Kết quả kinh doanh

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	KH 2017	Thực hiện		Tăng trưởng %	
		2017	2016	So với KH	So với 2016
Doanh thu thuần	3.900.000	3.494.784	4.173.940	90%	84%
Lợi nhuận sau thuế	85.000	22.539	19.503	27%	116%

Doanh thu thuần năm 2017 đạt gần 3495 tỷ đồng, đạt 90% kế hoạch và bằng 84% doanh thu thuần năm 2016. Nguyên nhân là do lĩnh vực thương mại phân bón trong năm đã gặp phải nhiều bất lợi do sự cạnh tranh khốc liệt với các mặt hàng phân bón giá rẻ từ nước ngoài, cùng với các bất lợi từ chính sách thuế xuất khẩu cũng tác động xấu đến ngành phân bón nói chung và ảnh hưởng tới các mảng kinh doanh phân bón và hóa chất của Công ty, dẫn tới sự sụt giảm về doanh thu và lợi nhuận trong năm 2017. Lợi nhuận sau thuế năm 2017 đạt 22,5 tỷ đồng, tuy chỉ đạt 27% kế hoạch nhưng vẫn tăng 16% so với năm 2016.

Chuyển dịch cơ cấu doanh thu



Cơ cấu doanh thu có sự chuyển dịch rõ nét, phản ánh đúng chiến lược kinh doanh cốt lõi của Công ty giai đoạn 2016-2017. Tỷ trọng doanh thu từ thương mại phân bón tăng từ 57% năm 2016 lên 79% năm 2017, doanh thu dịch vụ kho bãi ngoại quan cũng tăng nhẹ từ 4% lên 5%.

Một số khó khăn trong năm 2017

Đối với ngành hàng phân bón:

Mặt hàng DAP xuất khẩu gặp nhiều khó khăn do cạnh tranh về giá với hàng Trung Quốc, Hàn Quốc... Một số mặt hàng khác như Urea Hà Bắc, Ninh Bình năng suất chưa ổn định, không đủ cung cấp cho thị trường xuất khẩu tập trung ưu tiên cho thị trường nội địa, bên cạnh đó các mặt hàng này phải chịu thuế xuất khẩu 5% dẫn đến tăng giá thành, gặp khó khăn trong việc cạnh tranh về giá. Bên cạnh đó việc giá cả các nguyên liệu tăng, nhiên liệu tăng cũng dẫn đến việc tăng các chi phí sản xuất, giá thành phẩm bị ảnh hưởng.

Đối với ngành hàng hóa chất:

Tình hình kinh doanh gặp nhiều khó khăn do thị trường phân bón ảm đạm, kéo theo nhu cầu hàng nguyên liệu như lưu huỳnh, axit sulphuric giảm theo dẫn tới doanh thu và lợi nhuận giảm.

Dịch vụ Kho, bãi tại Cảng ICD Quảng Bình Đình Vũ

Nhiều hệ thống kho bãi được mở ra dẫn đến việc cạnh tranh nhau về giá cả, dịch vụ. Bên cạnh đó bộ máy hoạt động tại Cảng còn mới, đang trong thời gian hoàn thiện dẫn đến hoạt động chưa hiệu quả trong những tháng đầu năm. Tuy nhiên 6 tháng cuối năm, Cảng đã dần đi vào ổn định và bắt đầu đưa vào khai thác vỏ container.



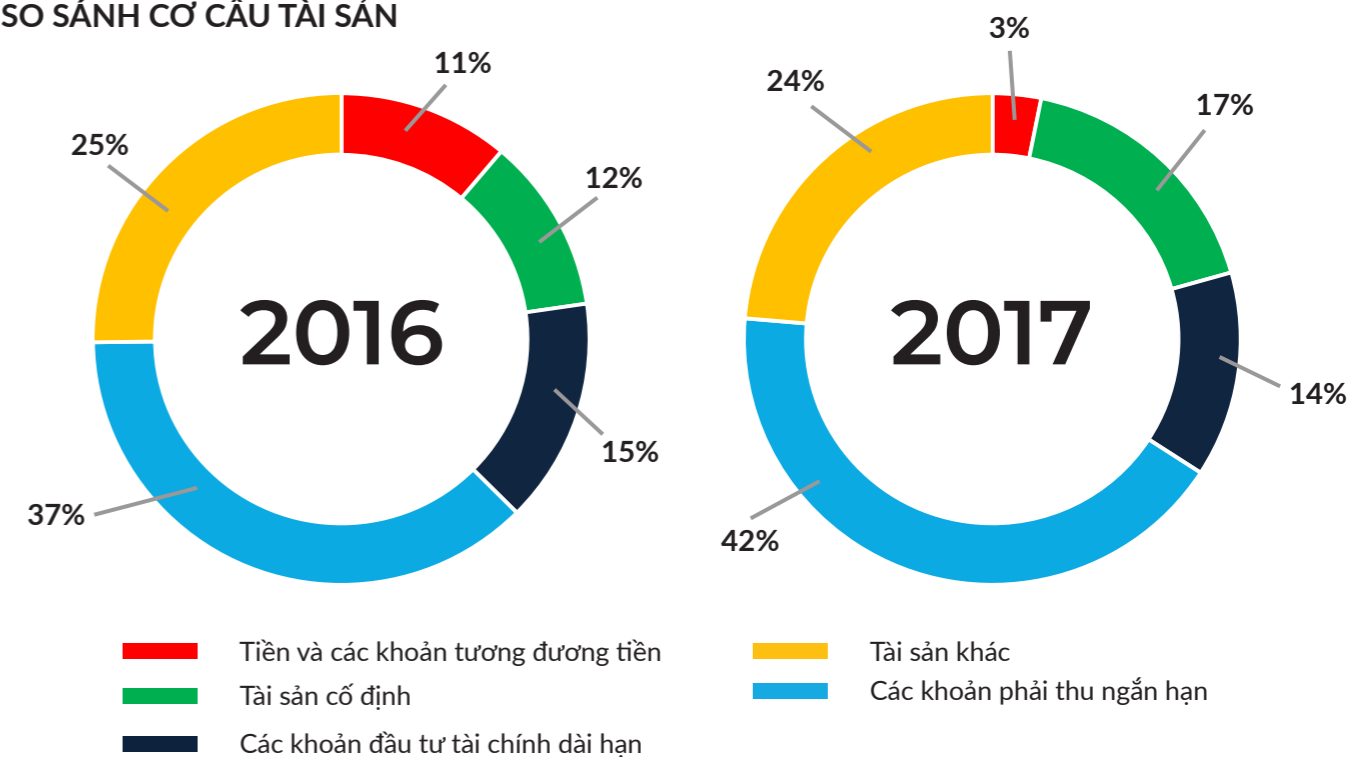
Cánh đồng Mô hình trình diễn NPK Đình Vũ tại Thái Bình

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH 2017

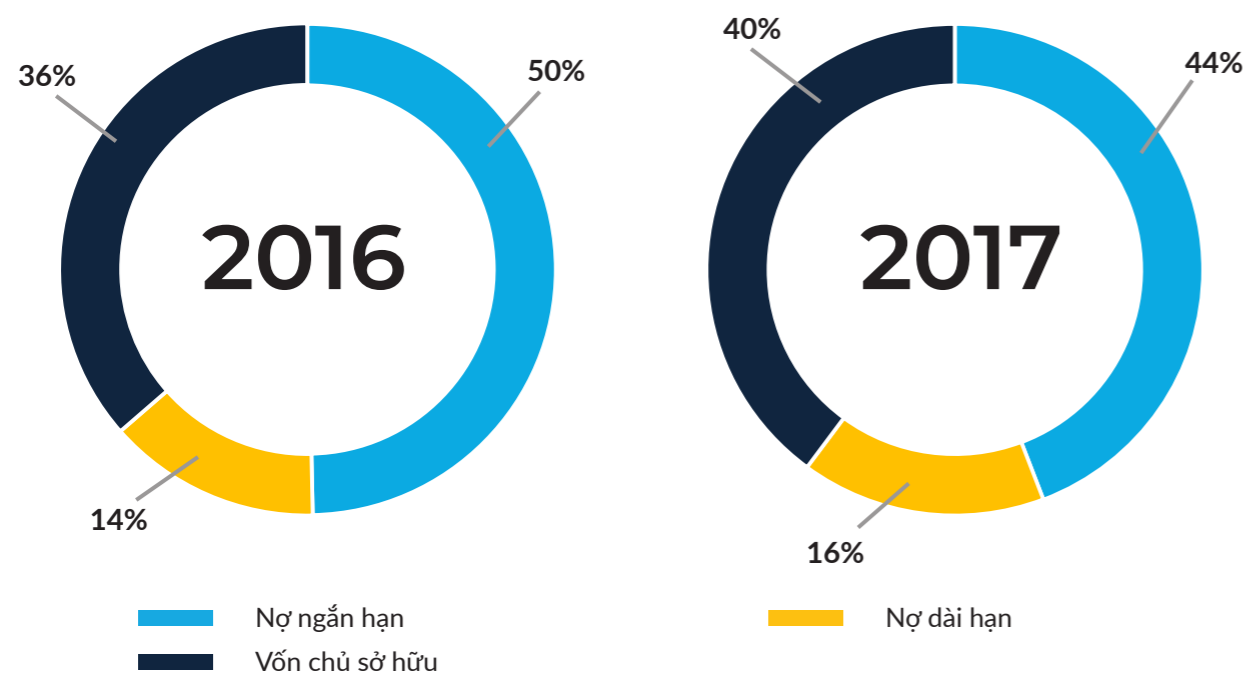
CƠ CẤU TÀI SẢN, NGUỒN VỐN

Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	Thay đổi
Tài sản ngắn hạn	1.208.695	1.094.196	-9%
Tài sản dài hạn	954.699	935.879	-2%
Tổng cộng tài sản	2.163.393	2.030.075	-6%
Nợ phải trả	1.375.492	1.220.968	-11%
- Nợ ngắn hạn	1.074.379	897.294	-16%
- Nợ dài hạn	301.113	323.674	7%
Vốn chủ sở hữu	787.901	809.107	3%
Tổng cộng nguồn vốn	2.163.393	2.030.075	-6%

SO SÁNH CƠ CẤU TÀI SẢN



SO SÁNH CƠ CẤU NGUỒN VỐN



NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

THÀNH LẬP CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSWORLD QBV ICD - TẠO TIỀN ĐỀ CHO VIỆC THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC KINH DOANH CỐT LÕI GIAI ĐOẠN 2017-2022

Trong năm 2017, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình đã hợp tác liên doanh với Công ty Transworld GLS Việt Nam (trực thuộc tập đoàn Transworld Singapore) để thành lập pháp nhân mới hoạt động trong lĩnh vực logistic và mang tên Công ty cổ phần TRANSWORLD QBV ICD. Việc Công ty Cổ phần Transworld QBV ICD ra đời, tiếp tục hoàn thiện và khai thác cảng ICD Quảng Bình – Đỉnh Vũ không chỉ phục vụ hoạt động xuất nhập khẩu của Công ty mà còn đáp ứng nhu cầu của các doanh nghiệp đang hoạt động tại khu kinh tế Đỉnh Vũ – Cát Hải cũng như của các doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu qua hệ thống cảng Đỉnh Vũ, Tân Vũ, VIP GreenPort, Lạch Huyện..... Transworld QBV ICD đi vào hoạt động sẽ giúp các doanh nghiệp đẩy nhanh tiến độ thông quan hàng hóa, có thêm lựa chọn cho việc lưu giữ hàng hóa tại kho bãi, góp phần giảm chi phí cho các doanh nghiệp cũng như giảm tải cho hệ thống cảng biển ở Hải Phòng, thúc đẩy hoạt động của hệ thống cảng biển trên địa bàn phát triển mạnh mẽ hơn trong thời gian tới.

SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ CÔNG TY

Nhằm đáp ứng phù hợp với việc thay đổi một số ngành nghề trong giấy phép kinh doanh và chiến lược kinh doanh cốt lõi của Công ty. Đầu năm 2017, Công ty đã thông qua Đại hội đồng cổ đông để sửa đổi Điều lệ Công ty.

Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức, kiện toàn bộ máy quản lý

Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý trong năm 2017 đã sớm kiện toàn bộ máy, đồng thời chủ động, sáng tạo và quyết liệt trong thực thi công việc, đóng góp tích cực vào kết quả hoạt động của Công ty năm 2017. Trong năm, Ban Điều hành đã tiếp tục thực hiện các giải pháp sắp xếp cơ cấu lao động ở các khu vực sản xuất nhằm ổn định nguồn nhân lực, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Xây dựng các chế độ chính sách nhằm thúc đẩy khả năng sáng tạo và nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm ở bộ phận sản xuất

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời	ĐVT	2016	2017
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	0,58	0,82
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH	%	3,13	3,59
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng TS	%	1,11	1,41
Hệ số lợi nhuận từ hoạt động KD/ Doanh thu thuần	%	0,55	0,86

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán	ĐVT	2016	2017
Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	1,13	1,22
Hệ số thanh toán nhanh	lần	1,02	1,06

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018

Mảng phân bón

Xây dựng các phương án gia công sửa chữa nâng cấp dây chuyền sản xuất để giảm thiểu tối đa thời gian dừng máy, thời gian bảo dưỡng định kỳ nhằm tối ưu hóa công nghệ sản xuất và nâng công suất.

Thường xuyên tăng cường giao lưu quan hệ, tổ chức tham quan các đơn vị cùng ngành, các đối tác khách hàng nhằm học hỏi, trao đổi kinh nghiệm phát triển dây chuyền sản xuất theo hướng chuyên môn sâu. Bên cạnh đó, xây dựng các chính sách khuyến khích bộ phận kỹ thuật chủ động xây dựng và triển khai các phương án tự chế tạo các vật tư máy móc đơn giản cho dây chuyền sản xuất đồng thời nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ vận hành, kỹ thuật của Nhà máy.

Tiếp tục đào tạo nâng cao trình độ đội ngũ vận hành, bảo dưỡng nhà máy theo hướng chuyên sâu, chuyên nghiệp nhằm đảm bảo việc kiểm soát tốt các định mức về kỹ thuật vận hành, tiêu hao vật tư vật liệu trong sản xuất và sửa chữa.

Cập nhật liên tục các nhu cầu thiết yếu cũng như yêu cầu của của thị trường trong và ngoài nước để nghiên cứu, sản xuất các sản phẩm chất lượng với hàm lượng cao nhằm đáp ứng được nhu cầu của thị trường.

Tiếp tục đẩy mạnh quảng bá phát triển thương hiệu NPK Đình Vũ, khẳng định vị thế của mình trên thị trường phân bón trong nước cũng như quốc tế với tiêu chí thương hiệu tin cậy, uy tín và chất lượng.

Chủ động xây dựng và triển khai các chính sách bán hàng linh hoạt dựa trên việc bám sát với tình hình thực tế giá cả, ngành phân bón trên thị trường trong và ngoài nước để đưa ra các phương án cạnh tranh hiệu quả và tối ưu nhất. Bên cạnh việc tiếp tục giữ vững thị phần tại các thị trường đã có, đẩy mạnh phát triển, hoàn thiện hệ thống phân phối, mở rộng đội ngũ vận tải để đảm bảo tính chủ động, linh hoạt trong kinh doanh.

Năm 2018 Công ty định hướng phát triển mặt hàng FMP rộng rãi hơn vào các thị trường tại Malaysia. Đối với thị trường Indonesia, mặt hàng FMP là một mặt hàng mới, Công ty và đối tác đã gửi mẫu sang Indonesia để đăng ký và đã công nhận là một loại phân bón. Hiện đối tác của công ty đang đàm phán nhập khẩu để phát triển mặt hàng tại Indonesia.

Bên cạnh đó, trong năm 2018 sẽ xây dựng chiến lược quảng bá và xuất khẩu sản phẩm Hydrate Lime, Gypsum sang các nước bạn.



Mảng hóa chất & các mặt hàng khác

Tiếp tục duy trì hoạt động kinh doanh các mặt hàng truyền thống. Bên cạnh đó chú trọng phát triển hơn vào một số sản phẩm hóa chất mà các nhà cung cấp nước ngoài truyền thống đang sẵn có để phân phối trong nước như: HCL (Axit clohydric), Oxi già (H₂O₂), Xút lỏng, Xút vảy, các loại dung môi...

Bên cạnh đó, các mặt hàng thực phẩm, hàng đông lạnh cũng là một trong những mặt hàng chiến lược QBS nhập khẩu và phân phối.

Dịch vụ kho bãi, cảng cạn và các dịch vụ khác

Nâng cao chất lượng dịch vụ, xây dựng các chính sách phù hợp để tiếp tục duy trì và phát triển các khách hàng cũ cũng như triển khai tìm kiếm và khai thác hệ thống khách hàng mới.

Hoàn thành việc xây dựng và đưa vào hoạt động giai đoạn 2 với quy mô 9 ha gồm hệ thống kho, kho lạnh và bãi.

Triển khai kế hoạch xây dựng chợ thực phẩm đông lạnh, nơi mua bán giao thương của khách hàng với hệ thống dịch vụ trọn gói.

Một số vấn đề khác

Kiểm soát chặt chẽ tình hình tài chính, dòng tiền để chống việc rủi ro liên quan đến các vấn đề tài chính, nợ xấu.

Khuyến khích việc đưa ra các sáng kiến, ý tưởng, dự án nhằm thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh và nâng cao được hiệu quả công việc.

Liên tục cập nhật và xây dựng các chính sách nhằm giữ nhân lực chủ chốt và hấp dẫn thu hút nguồn nhân lực.

CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH 2018

Doanh thu thuần

3000
tỷ VNĐ

so với 2017 86%

Lợi nhuận sau thuế

90 tỷ
VNĐ

so với 2017 399%



BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

04

Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động

Đánh giá của HĐQT về Ban Giám đốc

Kế hoạch, định hướng của HĐQT

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG

Tình hình kinh tế vĩ mô

Năm 2017, kinh tế thế giới phục hồi tốt hơn, tăng trưởng kinh tế ước đạt 3,6% (cao hơn 0,5 điểm % so với năm 2016) nhờ sự gia tăng đầu tư, thương mại và sản xuất công nghiệp. Các nền kinh tế chủ chốt đều có sự phục hồi vững chắc đóng vai trò dẫn dắt tăng trưởng kinh tế toàn cầu.

Thị trường cổ phiếu toàn cầu năm 2017 tăng trưởng tích cực. Hầu hết các chỉ số chứng khoán lớn toàn cầu đều tăng điểm cao so với đầu năm. Dẫn đầu là thị trường châu Á với mức tăng trung bình trên 20% so với đầu năm, tiếp theo là thị trường chứng khoán Mỹ (trên 15%). Việt Nam thuộc top 5 thị trường có mức tăng trưởng cao nhất thế giới và đứng đầu khu vực châu Á. Hầu hết các đồng tiền chủ chốt đều tăng giá so với USD. Đồng Euro có mức tăng mạnh nhất (11%) so với USD tính từ đầu năm do kinh tế khu vực này phục hồi khả quan. Đồng Nhân Dân tệ tăng 5% so với USD. Đồng tiền của một số nước lớn trong khu vực ASEAN cũng có mức tăng đáng kể so với USD (với mức tăng trung bình khoảng 8%-9% so với đầu năm). Trong bối cảnh đó, việc VND mất giá nhẹ so với USD giúp hỗ trợ năng lực cạnh tranh cho hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam.

GDP Việt Nam 2017 tăng 6,81%, là mức cao nhất trong vòng 10 năm trở lại đây. Lạm phát tổng thể năm 2017 tăng khoảng hơn 3% so với năm 2016, là năm thứ 4 liên tiếp lạm phát duy trì ở mức thấp dưới 5% và cho thấy nền tảng của ổn định vĩ mô đang được thiết lập rõ nét. Cơ cấu kinh tế có sự dịch chuyển tích cực theo hướng tăng tỷ trọng đóng góp của các ngành có hàm lượng công nghệ và giá trị gia tăng cao với sự đóng góp ngày càng tăng của công nghiệp chế biến chế tạo.

Tình hình hoạt động của Công ty

Năm 2017 là năm đầu tiên Công ty Cổ phần XNK Quảng Bình thực hiện chiến lược kinh doanh cốt lõi giai đoạn 2017-2022, trọng tâm là việc nâng cao hiệu quả vận hành cảng cạn ICD Quảng Bình – Đình Vũ và nâng cao hiệu quả sản xuất, mức tiêu thụ cho Nhà máy NPK Đình Vũ với tham vọng trở thành một trong doanh nghiệp đầu ngành về lĩnh vực Logistics, sản xuất phân bón, đồng thời củng cố, duy trì vị thế hàng đầu về thương mại phân bón.

Trong năm 2017, Quảng Bình đã hiện thực hóa các chiến lược này thông qua việc tái cấu trúc các mảng kinh doanh bằng việc chuyển nhượng toàn bộ 98% cổ phần tại Công ty Cổ phần Quảng Bình – Cao Bằng nhằm tái cơ cấu danh mục đầu tư tài chính, tập trung nguồn lực cho các chiến lược kinh doanh cốt lõi; đầu tư thành lập Công ty Cổ phần TRANSWORLD QBV ICD và ký hợp tác liên doanh chiến lược Logistics với hàng loạt các tên tuổi lớn trong lĩnh vực kho vận, cảng biển, container nhằm mục tiêu xây dựng chuỗi dịch vụ Logistics khép kín (cảng, kho bãi, phương tiện vận tải – nâng hạ và các cơ sở hạ tầng phụ trợ đi kèm...) mang đến cho khách hàng những dịch vụ thuận tiện nhất hướng tới mục tiêu trở thành điểm trung chuyển, thông quan hàng hóa hàng đầu tại miền Bắc và kết nối với nhiều quốc gia, vùng lãnh thổ trên thế giới trong tương lai. Lĩnh vực thương mại phân bón và hóa chất vẫn là các mảng kinh doanh truyền thống, hoạt động ổn định, đem lại tỷ trọng doanh thu, lợi nhuận chính góp phần cho sự tăng trưởng ổn định trong các năm qua của Quảng Bình. Tuy vậy, năm 2017 vẫn là một năm với nhiều khó khăn, thách thức với hoạt động sản xuất, kinh doanh của Quảng Bình, cụ thể đối với từng mảng như sau:

Đối với mảng phân bón

Mặt hàng DAP xuất khẩu gặp nhiều khó khăn do cạnh tranh về giá với hàng Trung Quốc, Hàn Quốc... Một số mặt hàng khác như Urea Hà Bắc, Ninh Bình năng suất chưa ổn định, không đủ cung cấp cho thị trường xuất khẩu tập trung ưu tiên cho thị trường nội địa, bên cạnh đó các mặt hàng này phải chịu thuế xuất khẩu 5% dẫn đến tăng giá thành, gặp khó khăn trong việc cạnh tranh về giá. Bên cạnh đó việc giá cả các nguyên liệu tăng, nhiên liệu tăng cũng dẫn đến việc tăng các chi phí sản xuất, giá thành phẩm bị ảnh hưởng.

Đối với mảng hàng hóa chất:

Tình hình kinh doanh gặp nhiều khó khăn do thị trường phân bón ảm đạm, kéo theo nhu cầu hàng nguyên liệu như lưu huỳnh, axit sulphuric giảm theo dẫn tới doanh thu và lợi nhuận giảm.

Mảng dịch vụ Kho, bãi tại Cảng ICD:

Hiện nay, có nhiều hệ thống kho bãi được mở ra dẫn đến việc cạnh tranh nhau về giá cả, dịch vụ. Bên cạnh đó bộ máy hoạt động tại Cảng còn mới, đang trong thời gian hoàn thiện dẫn đến hoạt động chưa hiệu quả trong những tháng đầu năm. Tuy nhiên 6 tháng cuối năm, Cảng đã dần đi vào ổn định và bắt đầu đưa vào khai thác vỏ container.

Kết thúc năm 2017, doanh thu của công ty đạt gần 3.495 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 22,54 tỷ đồng. Tuy chưa hoàn thành các mục tiêu đề ra theo kế hoạch do gặp phải nhiều yếu tố bất lợi của thị trường nhưng Ban lãnh đạo Công ty vẫn đang nghiêm túc trong việc chỉ đạo, điều hành để các hoạt động của Công ty đi đúng phương hướng chiến lược đã được ĐHQĐ thông qua cho giai đoạn 5 năm 2017-2022.



ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ BAN GIÁM ĐỐC

Ban giám đốc cùng các cán bộ quản lý là những người giàu nhiệt huyết, kinh nghiệm trên thị trường phân bón, cảng biển cũng như kinh nghiệm quản lý điều hành hiệu quả trong công việc và trong các lĩnh vực hoạt động kinh doanh.

Trong năm 2017, Hội đồng quản trị đã đồng hành, giám sát mọi hoạt động của Ban Tổng Giám Đốc cũng như các cán bộ quản lý nhằm đảm bảo mọi hoạt động của Công ty đều được thực hiện một cách minh bạch, đúng pháp luật và phương hướng của Đại hội đồng cổ đông đề ra. Ban Tổng Giám Đốc và các cán bộ quản lý thực hiện báo cáo đầy đủ các hoạt động của công ty, các dự án đầu tư, các giải trình liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Bên cạnh đó, trước tình hình thị trường phân bón, hóa chất gặp nhiều khó khăn, Ban Tổng Giám Đốc đã có những chiến lược và chủ động đưa các phương án kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế.

KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT

Tiếp tục đẩy mạnh sản xuất và thương mại các mặt hàng phân bón, khẳng định vị thế, thương hiệu NPK Đình Vũ trên thị trường trong nước và quốc tế.

Xây dựng, phát triển thương hiệu và hình ảnh Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Quảng Bình trở thành doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất và thương mại phân bón, Dịch vụ kho bãi, cảng cạn ICD Quảng Bình Đình Vũ.

Tiến hành chuyển đổi chi nhánh Công ty CP XNK Quảng Bình - Nhà máy NPK Đình Vũ thành công ty con.



05

BÁO CÁO QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị

Ban Kiểm soát

Giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BKS, BGĐ



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 2017

THÀNH VIÊN & CƠ CẤU HĐQT

Họ & tên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
Nguyễn Thị Thanh Hương	Chủ tịch HĐQT	9.200.579	13.27%
Nguyễn Văn Khoái	Thành viên HĐQT	2.000.000	2.88%
Bùi Thị Ngọc	Thành viên HĐQT	14.950	0.02%
Phạm Sỹ Thạc	Thành viên HĐQT	235.130	0.34%
Nguyễn Mạnh Tuấn	Thành viên HĐQT	517.250	0.75%

Trong năm 2017, Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt việc giám sát hoạt động điều hành, quản lý công ty và triển khai các kế hoạch của Ban Giám Đốc.

Hội đồng quản trị đã chủ trì nhiều cuộc họp về việc triển khai các kế hoạch, dự án nhằm xây dựng và phát triển kế hoạch kinh doanh của Công ty, các buổi họp liên quan đến cơ cấu lại các danh mục đầu tư tài chính, bổ nhiệm nhân sự.

Trong năm vừa qua, Hội đồng quản trị đã tổ chức 01 buổi Đại hội cổ đông để thông qua kết quả kinh doanh năm 2016; phương hướng kế hoạch kinh doanh năm 2017 và xin ý kiến cổ đông bằng văn bản thông qua thay đổi ngành nghề kinh doanh; chiến lược kinh doanh cốt lõi của công ty giai đoạn 2017-2022. Hội đồng quản trị đã tổ chức 21 buổi họp trong năm 2017.

TỶ LỆ DỰ HỌP HĐQT

STT	Họ & tên	Chức vụ	Số buổi dự họp	Tỷ lệ dự họp
1	Nguyễn Thị Thanh Hương	Chủ tịch HĐQT	21	100%
2	Nguyễn Văn Khoái	Thành viên HĐQT	21	100%
3	Bùi Thị Ngọc	Thành viên HĐQT	21	100%
4	Phạm Sỹ Thạc	Thành viên HĐQT	21	100%
5	Nguyễn Mạnh Tuấn	Thành viên HĐQT	21	100%

Hiện tại, trong cơ cấu HĐQT của Công ty không có Thành viên Hội đồng quản trị độc lập và các tiểu ban trực thuộc.

CÁC NGHỊ QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CỦA HĐQT

STT	Số Nghị Quyết	Thời gian	Nội dung
1	01-01/2017/NQ-HĐQT	24/01/2017	Thay đổi đăng ký kinh doanh
2	01-02/2017/NQ-HĐQT	16/02/2017	Thông qua ngày chốt danh sách cổ đông họp ĐHCĐ thường niên năm 2017
3	02-02/2017/NQ-HĐQT	20/02/2017	Thông qua phương án điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án "ICD Quảng Bình - Đình Vũ"
4	01-03/2017/NQ-HĐQT	14/03/2017	Đề cử thành viên HĐQT Công ty CP Vật tư và Xuất nhập khẩu Hóa chất nhiệm kỳ 2015-2020
5	02-03/2017/NQ-HĐQT	21/03/2017	Thông qua phương án cấp hạn mức tín dụng tại Hong Leong Bank
6	03-03/2017/NQ-HĐQT	23/03/2017	Thành lập Ban kiểm tra tư cách cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017
7	01-06/2017/NQ-HĐQT	16/06/2017	Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017
8	02-06/2017/NQ-HĐQT	17/06/2017	Thông qua việc chuyển nhượng dự án đầu tư tại Cao Bằng
9	01-07/2017/NQ-HĐQT	03/07/2017	Thông qua việc ký kết hợp tác liên doanh thành lập Công ty CP Transworld QBV ICD
10	01-08/2017/NQ-HĐQT	11/08/2017	Thông qua việc cấp mới hạn mức tín dụng Tiên Phong Bank
11	02-08/2017/NQ-HĐQT	21/08/2017	Cấp mới hạn mức tín dụng Ngân Hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam
12	03-08/2017/NQ-HĐQT	25/08/2017	Hoàn thiện hồ sơ ra bìa đỏ đất văn phòng công ty
13	01-09/2017/NQ-HĐQT	26/09/2017	Hoàn thiện hồ sơ ra bìa đỏ đất tại Lào Cai
14	01-11/2017/NQ-HĐQT	09/11/2017	Đóng cửa chi nhánh, văn phòng đại diện tại Cao Bằng
15	01-12/2017/NQ-HĐQT	12/12/2017	Phương án thoái vốn đầu tư của Công ty CP XNK Quảng Bình tại Công ty CP Vật tư và Xuất nhập khẩu Hóa chất
16	02-12/2017/NQ-HĐQT	19/12/2017	Góp vốn và cử người đại diện quản lý vốn góp tại Công ty CP Transworld QBV ICD
17	03-12/2017/NQ-HĐQT	14/12/2017	Ủy quyền cho người đại diện tại Công ty CP Vật tư và Xuất nhập khẩu Hóa chất
18	05-12/2017/NQ-HĐQT	22/12/2017	Thoái vốn đầu tư tại Công ty CP Quảng Bình Cao Bằng
19	06-12/2017/NQ-HĐQT	27/12/2017	Hoàn thiện hồ sơ ra bìa đỏ đất tại Sơn Tây

BAN KIỂM SOÁT

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2017

THÀNH VIÊN & CƠ CẤU BAN KIỂM SOÁT

Họ & tên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
Đặng Thị Phương Thảo	Trưởng Ban Kiểm soát	3.450	0,005%
Nguyễn Thị Quỳnh Trang	Thành viên BKS	305.750	0,44%
Trần Thị Thu Trang	Thành viên BKS	3.450	0,005%

Ban Kiểm soát tham gia tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đưa ra các ý kiến, kiến nghị với Hội đồng quản trị - Ban Tổng Giám đốc về các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2017.

Kiểm tra giám sát hoạt động tài chính của công ty, việc lập báo cáo và kiểm toán báo cáo tài chính bán niên và năm, giám sát việc thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ về các vấn đề liên quan đến tài chính, đầu tư, sử dụng vốn, tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh vv...

Rà soát cũng như xem xét tính pháp lý của các văn bản pháp lý, quy trình quy chế của công ty, giám sát việc tuân thủ pháp luật về tổ chức hoạt động công ty, công bố thông tin, thực hiện các chế độ chính sách cho người lao động vv...

Kiểm tra giám sát việc triệu tập và tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo đúng trình tự, thủ tục và quy định của pháp luật, điều lệ công ty.

Đánh giá các quy trình trọng yếu của Công ty, trực tiếp làm việc với Ban lãnh đạo, cán bộ quản lý trong Công ty nhằm phát hiện những rủi ro tiềm tàng hoặc những thiếu sót, từ đó đề xuất những kiến nghị giải pháp phù hợp cho Ban lãnh đạo và cán bộ quản lý Công ty.

Trong quá trình thực hiện công việc kiểm tra giám sát, Ban kiểm soát đã phối hợp tốt với các thành viên HĐQT, Ban điều hành, đồng thời có các ý kiến, kiến nghị phù hợp để HĐQT, Ban điều hành lưu ý trong quá trình quản trị Công ty.

Ngoài ra, các thành viên BKS cũng thường xuyên liên hệ trao đổi thông tin để nắm bắt kịp thời các hoạt động và tình hình tài chính của công ty, chủ động trong công việc được giao và phối hợp tốt để hoàn thành nhiệm vụ chung của BKS.

Kiểm tra số liệu báo cáo tài chính hàng Tháng, Quý, Năm. Ban kiểm soát đã làm việc và phối hợp với Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam trong quá trình thẩm định số liệu BCTC năm 2017.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trên cơ sở Báo cáo Tài chính năm 2017 Công ty lập, Báo cáo Kiểm toán của Công ty TNHH Kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam, Ban Kiểm soát đã thẩm định và thống nhất xác nhận việc ghi chép, lưu trữ chứng từ và lập sổ sách được thực hiện đúng quy định, Công ty TNHH Kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam là đơn vị kiểm toán thực hiện công tác kiểm toán tại Công ty một cách minh bạch và khách quan đúng theo chuẩn mực kế toán và quy định hiện hành.

Đồng thời, Ban kiểm soát thường xuyên phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị cũng như Ban lãnh đạo công ty và không phát hiện bất kỳ bất thường nào trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017

Đơn vị: đồng

STT	Chỉ tiêu	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.494.784.316.256
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	-
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.494.784.316.256
4	Giá vốn hàng bán	3.316.797.902.749
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	177.986.413.507
6	Doanh thu hoạt động tài chính	13.247.628.481
7	Chi phí Tài chính	121.637.750.556
	Trong đó: Lãi vay	75.034.239.134
8	Chi phí bán hàng	27.139.673.137
9	Chi phí Quản lý Doanh nghiệp	12.534.413.614
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	29.922.204.681
11	Thu nhập khác	2.091.393.540
12	Chi phí khác	3.327.140.988
13	Lợi nhuận khác	(1.235.747.488)
14	Tổng lợi nhuận trước thuế	28.686.457.233
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	6.147.857.105
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	22.538.600.128
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	325

KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI HĐQT, BGĐ

Đối với Hội đồng quản trị:

Qua công tác kiểm tra, giám sát, Ban kiểm soát nhận thấy việc quản lý điều hành Công ty của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và bộ máy giúp việc được tiến hành với sự cẩn trọng, tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty.

Trong năm 2017, HĐQT đã tiến hành 21 cuộc họp với các hình thức trực tiếp tại Trụ sở QBS và ban hành 19 Nghị quyết. Nội dung, trình tự các cuộc họp và việc ban hành nghị quyết HĐQT đã được tiến hành theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Hội đồng quản trị đã phối hợp chặt chẽ với Ban Tổng Giám đốc trong quá trình chỉ đạo điều hành, trực tiếp tham gia tháo gỡ các khó khăn vướng mắc trong hoạt động kinh doanh.

Đối với Ban Tổng Giám Đốc và Bộ máy quản lý

Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý trong năm 2017 đã sớm kiện toàn bộ máy, chỉ đạo điều hành nhiệm vụ đúng chức năng và thẩm quyền, tuân thủ các quy định của pháp luật. Ban điều hành đã chủ động, sáng tạo và quyết liệt trong thực thi công việc, đóng góp tích cực vào kết quả hoạt động của Công ty năm 2017.

Ban Điều hành đã tiếp tục thực hiện các giải pháp sắp xếp cơ cấu lao động ở các khu vực sản xuất nhằm ổn định nguồn nhân lực, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Xây dựng các chế độ chính sách nhằm thúc đẩy khả năng sáng tạo và nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm ở bộ phận sản xuất

Tuy hoàn thành nhiều nhiệm vụ trọng tâm năm 2017 nhưng vẫn có những chỉ tiêu chưa đạt kế hoạch, cần phát huy và rút kinh nghiệm để tạo tiền đề cho sự phát triển của Công ty trong các năm tiếp theo.

PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2018 CỦA BAN KIỂM SOÁT

- Thực hiện đầy đủ chức năng và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát quy định tại Điều lệ Công ty và Pháp luật quy định.
- Giám sát việc chấp hành các quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty, tình hình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị của Công ty.
- Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát các hoạt động điều hành, quản lý kinh doanh theo chức năng, nhiệm vụ quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
- Giám sát các kế hoạch, tình hình triển khai công tác sản xuất kinh doanh, đầu tư của Công ty.
- Triển khai công tác kiểm tra, giám sát định kỳ, đột xuất trên mọi lĩnh vực hoạt động của Công ty theo Điều lệ quy định.
- Giám sát sự phối hợp hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành và Ban Kiểm soát.
- Các nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

GIAO DỊCH, THÙ LAO

THÙ LAO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

132.000.000 đồng / 5 thành viên

THÙ LAO CỦA BAN KIỂM SOÁT

48.000.000 đồng / 3 thành viên

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NNB VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

Tên người nội bộ/ người liên quan	Chức vụ		Hình thức	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	
	Quan hệ	Chức vụ		Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ
Trần Thị Mỹ	Mẹ Chủ tịch HĐQT		Giao dịch thỏa thuận	1.000.000	1,44%	0	0%
Nguyễn Thanh Bình	Chồng Chủ tịch HĐQT	Phó Tổng giám đốc phụ trách đối ngoại	Giao dịch thỏa thuận	10.000.000	14,42%	5.000.000	7,21%



BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG 06

Mục tiêu phát triển bền vững

Đánh giá trách nhiệm với môi trường & cộng đồng xã hội

MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Là một trong những doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực thương mại phân bón, hóa chất, QBS nhận thức rõ các trách nhiệm của mình trong việc thực hiện sản xuất kinh doanh đi đôi với bảo vệ môi trường, tạo ra các sản phẩm an toàn, chất lượng. Quảng Bình luôn hướng tới mục tiêu phát triển bền vững và cam kết tạo nên sản phẩm chất lượng cao - thân thiện môi trường nhằm góp phần cho sự phát triển bền vững của nền nông nghiệp Việt Nam. Công ty đã đề ra các mục tiêu như sau:

- Tập trung nghiên cứu, ứng dụng công nghệ cao trong quá trình sản xuất phân bón nhằm tạo ra các sản phẩm phân bón chất lượng nhất tới tay người nông dân.
- Nghiêm túc thực hiện các quy định Pháp luật về môi trường trong việc xử lý các chất thải trong quá trình sản xuất.
- Hỗ trợ bà con nông dân xung quanh nhà máy các sản phẩm phân bón phù hợp với cây trồng, góp phần phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội trong khu vực.
- Cùng các chuyên gia nghiên cứu, nâng cao hiệu quả dây chuyền máy móc sản xuất, giảm thiểu tối đa sức lao động, tiết kiệm nhiên liệu, nâng cao công suất nhà máy, chất lượng sản phẩm.
- Xây dựng nhà ở cho CBCNV ở xa, xây dựng môi trường làm việc thông thoáng, đảm bảo tận dụng tối đa nguồn ánh sáng và gió tự nhiên nhằm giảm thiểu tiêu hao năng lượng chiếu sáng, điều hòa; đảm bảo an toàn vệ sinh trong lao động và sinh hoạt.

TRIẾT LÝ KINH DOANH

“Giá trị bền vững cho nhà nông” là triết lý kinh doanh của Quảng Bình. Lĩnh vực nông nghiệp Việt Nam mặc dù được coi là tiềm năng nhưng lại chưa phát huy được tiềm năng này, nguyên nhân phần lớn do nông dân chưa có trong tay vật tư nông nghiệp tốt nhất với giá thành hợp lý. Quảng Bình nỗ lực giải quyết vấn đề này thông qua việc tập trung phát triển sản phẩm vật tư nông nghiệp chất lượng cao, xanh, sạch, và kết nối đầu ra ổn định cho các sản phẩm nông nghiệp, qua đó giúp nâng cao giá trị sản phẩm và hướng tới một nền nông nghiệp phát triển bền vững ở Việt Nam.

Với triết lý kinh doanh như vậy, Quảng Bình cũng thể hiện được “Trách nhiệm xã hội” của mình thông qua việc nỗ lực để góp phần xóa đói giảm nghèo, nâng cao chất lượng sống và tiến tới làm giàu cho nông dân Việt Nam.

“Giá trị bền vững cho nhà nông”



ĐÁNH GIÁ TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG & CỘNG ĐỒNG XÃ HỘI

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU VỀ MÔI TRƯỜNG

Với dây chuyền sản xuất tiên tiến, được nhập khẩu nguyên chiếc từ Đức, có hệ thống lọc bụi tay áo đảm bảo việc phối trộn sản phẩm NPK Đình Vũ không gây ảnh hưởng đến sức khỏe người lao động và môi trường xung quanh. Công nghệ sản xuất không thải bụi, không nước thải, không khí thải hay hóa chất ra môi trường. Tuy nhiên, để đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định Pháp luật, Ban lãnh đạo Công ty và Nhà máy đã lập cam kết bảo vệ môi trường, xây dựng hệ thống bể lọc nước thải sinh hoạt chuẩn kỹ thuật trước khi thải ra ngoài, chất thải rắn được tiêu hủy theo đúng quy định.

Công ty sử dụng công nghệ tạo hạt mang tính chất cơ lý, khi trộn các thành phần với nhau ở nhiệt độ thường và có phun nước tạo ẩm để tạo thành các phần kết dính với nhau thành hạt, không xảy ra phản ứng hóa học nào, vì vậy không phát thải các thành phần gây ô nhiễm ra môi trường.

Tuy nhiên sau khi tạo hạt phải sấy khô nên có sử dụng lò đốt than, khí thải chủ yếu là CO₂ và bụi. Phần xử lý bụi được sử dụng bằng công nghệ lọc tay áo, đây là công nghệ xử lý bụi tiên tiến nhất hiện nay, hơi được sẽ quay trở lại tạo hạt vì đây chính là nguyên liệu. Phần khí CO₂ trước khi thải ra ngoài được hấp thụ bởi hệ thống ventury đảm bảo các nồng độ cho phép trong khí thải, không gây ảnh hưởng đến đời sống dân cư xung quanh

TRÁCH NHIỆM VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Công ty phối hợp với các ban ngành, tổ chức như Cục thuế, VCCI, Hiệp hội doanh nghiệp, PCCC,... để tổ chức các buổi học nâng cao nghiệp vụ chuyên môn về các vấn đề như vệ sinh an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, nâng cao nghiệp vụ chuyên môn về thuế, lao động, kê khai hải quan, nghiệp vụ xuất nhập khẩu,... Bên cạnh đó, Công ty còn tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty. Tổ chức các chương trình nâng cao đời sống tinh thần của cán bộ công nhân viên Công ty như: sinh nhật, 8/3, 20/10, lễ chùa, du lịch, thi văn nghệ,...

TRÁCH NHIỆM VỚI CỘNG ĐỒNG XÃ HỘI

Nhân dịp Tết Đinh Dậu, Công ty CP XNK Quảng Bình trao 113 suất quà cho người có công với cách mạng tại xã Đông Sơn, Hòa Bình, Tân Dương (huyện Thủy Nguyên, TP Hải Phòng – 60 suất), phường Hạ Lý, Trại Chuối (quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng – 53 suất).

Công ty phối hợp với chùa Hồng Phúc (Phường Bắc Sơn, quận Kiến An, TP Hải Phòng) tổ chức đến thăm và trao quà tại Trung tâm điều dưỡng tâm thần huyện Vĩnh Bảo.

Ngày 23/09/2017, đoàn từ thiện công ty CP XNK Quảng Bình trao hơn 500 suất quà cho các gia đình bị thiệt hại tại xã Yên Hóa, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình, nhằm kịp thời ủng hộ miền Trung khắc phục hậu quả sau cơn bão số 10.

Bên cạnh đó Tổng Giám đốc Công ty đã dành tặng 14 trường hợp gặp hoàn cảnh hết sức khó khăn được đăng tải trên chuyên mục Nhân ái - báo điện tử Dân trí (dantri.com.vn) tổng số tiền là 41.000.000 đồng. Ngoài ra, công ty còn đến thăm trực tiếp một số gia đình và thường xuyên hỏi thăm, cập nhật tình hình các trường hợp có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2017

Đã được kiểm toán



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017

(đã được kiểm toán)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,

Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-41
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11-41

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0200730878 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 12 tháng 03 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ hai mươi tám ngày 05 tháng 04 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Chủ tịch
Ông Nguyễn Mạnh Tuấn	Thành viên
Bà Bùi Thị Ngọc	Thành viên
Ông Phạm Sỹ Thạc	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Khoái	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Tổng Giám đốc
---------------------------	---------------

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Đặng Thị Phương Thảo	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Trang	Thành viên
Bà Trần Thị Thu Trang	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thanh Hương
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 20 tháng 01 năm 2018

Số: 218/BCKT/TC/NV8

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình được lập ngày 20 tháng 01 năm 2018, từ trang 06 đến trang 41, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam



Ngô Quang Tiến
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0448-2018-126-1

Nguyễn Bảo Trung
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0373-2018-126-1

Hà Nội, ngày 09 tháng 03 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.094.195.689.034	1.208.694.628.957
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	64.283.124.830	241.533.791.654
111	1. Tiền		63.413.518.764	81.533.791.654
112	2. Các khoản tương đương tiền		869.606.066	160.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	11.968.540.785	17.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		11.968.540.785	17.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		856.622.305.313	806.957.395.532
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	471.999.893.863	163.968.256.574
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	348.622.626.433	592.326.696.489
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	39.466.199.367	54.128.656.819
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(3.466.214.350)	(3.466.214.350)
140	IV. Hàng tồn kho	9	144.186.557.651	117.446.506.134
141	1. Hàng tồn kho		144.186.557.651	117.446.506.134
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		17.134.960.455	25.756.935.637
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	9.055.717.435	8.891.864.437
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		70.468.417	9.348.894.295
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	8.008.774.603	7.516.176.905
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		935.879.382.514	954.698.889.952
220	II. Tài sản cố định		354.534.767.477	249.363.589.561
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	265.186.839.568	162.588.148.122
222	- Nguyên giá		292.583.445.619	180.067.675.325
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(27.396.606.051)	(17.479.527.203)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	89.347.927.909	86.775.441.439
228	- Nguyên giá		89.347.927.909	86.775.441.439
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	10	3.140.993.159	60.380.817.701
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		3.140.993.159	60.380.817.701
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	274.567.309.150	320.149.538.963
251	1. Đầu tư vào công ty con		-	119.601.626.363
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		105.881.626.363	-
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		295.089.294.645	295.089.294.645
254	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(136.478.611.858)	(94.541.382.045)
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		10.075.000.000	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		303.636.312.728	324.804.943.727
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	303.636.312.728	324.804.943.727
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.030.075.071.548	2.163.393.518.909

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.220.968.234.531	1.375.492.410.071
310	I. Nợ ngắn hạn		897.293.594.531	1.074.379.304.986
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	99.969.006.633	283.407.107.588
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	89.695.316.355	1.063.031.827
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	3.548.686.357	11.556.062
314	4. Phải trả người lao động		-	663.252.308
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	705.621.895	348.628.543
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	27.692.013.301	1.705.995.410
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	670.734.184.793	783.315.840.000
322	8. Quy khen thưởng phúc lợi		4.948.765.197	3.863.893.248
330	II. Nợ dài hạn		323.674.640.000	301.113.105.085
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	323.674.640.000	301.113.105.085
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		809.106.837.017	787.901.108.838
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	809.106.837.017	787.901.108.838
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		693.299.280.000	693.299.280.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		693.299.280.000	693.299.280.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		(3.249.100.000)	(3.001.100.000)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		9.761.921.400	7.727.786.496
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		109.294.735.617	89.875.142.342
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		86.756.135.489	70.372.214.981
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		22.538.600.128	19.502.927.361
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.030.075.071.548	2.163.393.518.909

Trần Thị Yên Chi
Người lậpBùi Thị Ngọc
Kế toán trưởngNguyễn Thị Thanh Hương
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 20 tháng 01 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	3.494.784.316.256	4.173.939.804.580
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		3.494.784.316.256	4.173.939.804.580
11	4. Giá vốn hàng bán	24	3.316.797.902.749	3.999.832.858.549
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		177.986.413.507	174.106.946.031
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	13.247.628.481	43.052.059.687
22	7. Chi phí tài chính	26	121.637.750.556	155.365.485.279
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		75.034.239.134	57.043.283.644
25	8. Chi phí bán hàng	27	27.139.673.137	28.450.381.702
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	12.534.413.614	10.360.411.086
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		29.922.204.681	22.982.727.651
31	11. Thu nhập khác	29	2.091.393.540	1.328.417.482
32	12. Chi phí khác	30	3.327.140.988	287.900.974
40	13. Lợi nhuận khác		(1.235.747.448)	1.040.516.508
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		28.686.457.233	24.023.244.159
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31	6.147.857.105	4.520.316.798
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		22.538.600.128	19.502.927.361
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	32	325	305

Trần Thị Yến Chi
Người lậpBùi Thị Ngọc
Kế toán trưởngNguyễn Thị Thanh Hương
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 20 tháng 01 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		28.686.457.233	24.023.244.159
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		13.473.169.815	7.778.009.695
03	- Các khoản dự phòng		41.937.229.813	92.276.983.776
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		1.530.678	1.190.934.583
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(2.720.874.299)	(27.325.744.306)
06	- Chi phí lãi vay		75.034.239.134	57.043.283.644
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		156.411.752.374	154.986.711.551
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(119.710.075.327)	176.959.806.893
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(26.740.051.517)	129.949.969.635
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(151.277.233.504)	(228.624.232.893)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		21.004.778.001	(324.002.227.836)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(74.320.252.430)	(58.177.137.670)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(6.800.000.000)	(21.541.745.892)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(201.431.082.403)	(170.448.856.212)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(13.863.346.981)	(43.448.988.910)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		18.000.000.000	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(12.043.540.785)	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		7.000.000.000	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(56.713.780.885)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		109.511.700.000	62.921.750.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		5.845.254.315	4.568.916.581
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		114.450.066.549	(32.672.103.214)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		(248.000.000)	55.965.000.000
33	2. Tiền thu từ đi vay		2.257.545.973.950	2.690.994.590.101
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(2.347.566.094.242)	(2.570.806.926.293)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(31.999.964.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(90.268.120.292)	144.152.699.808

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2017
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(177.249.136.146)	(58.968.259.618)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		241.533.791.654	300.291.079.527
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(1.330.678)	210.971.743
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>64.283.124.830</u>	<u>241.533.791.654</u>

Trần Thị Yến Chi
Người lập

Bùi Thị Ngọc
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thanh Hương
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 20 tháng 01 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0200730878 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 12 tháng 03 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ hai mươi tám ngày 05 tháng 04 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 639.999.280.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 693.299.280.000 đồng; tương đương 69.329.928 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm về phân bón và hóa chất. Trong đó, hoạt động xuất khẩu DAP của Công ty chiếm 60% sản lượng xuất khẩu của cả nước, đồng thời, hoạt động nhập khẩu, phân phối Lưu huỳnh, axit Sulfuric của Công ty cũng chiếm 40%-50% thị phần tại Việt Nam. Ngoài ra, Công ty đã mở rộng đầu tư nhà máy sản xuất phân bón NPK với công suất 80.000 tấn/năm. Đồng thời, đầu tư xây dựng hệ thống kho bãi ngoại quan, cảng ICD Quảng Bình - Đình Vũ với tổng diện tích 18ha tại Khu Công nghiệp Đình Vũ. Đây là cảng cạn đầu tiên của Hải Phòng và là một trong những cảng cạn lớn nhất khu vực phía Bắc, vừa có kết nối đường biển, vừa có kết nối với đường bộ.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa;
- Bán buôn phân bón; Bán buôn hoá chất thông thường (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp);
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Sản xuất phân bón và hợp chất Nitơ.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Chi nhánh Công ty tại Quảng Bình
Chi nhánh Công ty tại Cao Bằng
Văn phòng đại diện Móng Cái
Nhà máy NPK Thủy Nguyên

Địa chỉ
Quảng Bình
Cao Bằng
Quảng Ninh
Hải Phòng

Hoạt động kinh doanh chính
Thương mại và dịch vụ
Thương mại và dịch vụ
Thương mại và dịch vụ
Sản xuất phân bón

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty hoặc trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên hạch toán độc lập và của Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ/hoặc chưa được loại trừ toàn bộ.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Nếu Công ty áp dụng tỷ giá thực tế là tỷ giá xấp xỉ thì tỷ giá này chênh lệch không quá 1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản cùng loại.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như

- | | |
|-----------------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 15 năm |
| - Máy móc, thiết bị | 05 - 06 năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 - 10 năm |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 09 năm |

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.13 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.14 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.15 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.16 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.17 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.18 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.19 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.20 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

2.21 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	1.567.425.018	1.060.787.170
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	61.846.093.746	80.473.004.484
Các khoản tương đương tiền	869.606.066	160.000.000.000
	64.283.124.830	241.533.791.654

4 - CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH
a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư ngắn hạn	11.968.540.785	11.968.540.785	17.000.000.000	17.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	11.968.540.785	11.968.540.785	17.000.000.000	17.000.000.000
Đầu tư dài hạn	10.075.000.000	10.075.000.000	-	-
- Tiền gửi có kỳ hạn	10.075.000.000	10.075.000.000	-	-
	22.043.540.785	22.043.540.785	17.000.000.000	17.000.000.000

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND
Đầu tư vào Công ty con				
- Công ty Cổ phần Vật tư và Xuất nhập khẩu Hóa chất ⁽¹⁾	-	-	-	119.601.626.363
- Công ty Cổ phần Quảng Bình Cao Bằng ⁽²⁾	-	-	-	105.881.626.363
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	105.881.626.363	85.511.700.000	(20.369.926.363)	-
- Công ty Cổ phần Vật tư và Xuất nhập khẩu Hóa chất ⁽¹⁾	105.881.626.363	85.511.700.000	(20.369.926.363)	-
Đầu tư vào đơn vị khác	295.089.294.645	178.980.609.150	(116.108.685.495)	200.547.912.600
- Công ty Cổ phần DAP - VINACHEM	295.089.294.645	178.980.609.150	(116.108.685.495)	200.547.912.600
	400.970.921.008	264.492.309.150	(136.478.611.858)	320.149.538.963

(1) Theo nghị quyết số 02-09/2016/NQ-HĐQT ngày 13/09/2016 của Hội đồng Quản trị, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình: thực hiện chuyển nhượng 1.132.500 cổ phiếu (tương ứng 14,71% vốn điều lệ) của Công ty Cổ phần Vật tư và Xuất nhập khẩu Hóa Chất cho 02 nhà đầu tư cá nhân. Tỷ lệ sở hữu của Công ty sau chuyển nhượng là 36,29%. Tháng 11/2016, Công ty đã được 02 nhà đầu tư cá nhân trên ủy quyền đại diện phần vốn của họ tại Công ty Cổ phần Vật tư và Xuất nhập khẩu Hóa Chất. Tỷ lệ biểu quyết của Công ty sau ngày ủy quyền là 51%. Công ty tiếp tục chỉ phối hoạt động của Công ty Cổ phần Vật tư và Xuất nhập khẩu Hóa chất. Do đó, khoản đầu tư này được trình bày là khoản đầu tư vào công ty con. Tuy nhiên, tháng 12/2017, các nhà đầu tư trên và Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình đã hủy bỏ thỏa thuận ủy quyền. Theo đó, tỷ lệ biểu quyết tại ngày 31/12/2017 của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình là 36,29%. Do đó, khoản đầu tư này được trình bày là khoản đầu tư vào công ty liên kết.

(2) Trong năm 2017, Công ty đã hoàn thành việc chuyển nhượng toàn bộ 1.372.000 cổ phiếu (tương ứng 98% vốn điều lệ) của Công ty Cổ phần Quảng Bình Cao Bằng do Công ty sở hữu theo nghị quyết số 05-12/2017/NQ-HĐQT ngày 22/12/2017 của Hội đồng Quản trị. Do đó, Công ty Cổ phần Quảng Bình Cao Bằng không còn là công ty con của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2017 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Vật tư và Xuất nhập khẩu Hóa chất (1)	Hà Nội	36,29%	36,29%	Kinh doanh các sản phẩm phân bón, hóa chất

Đầu tư vào đơn vị khác

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần DAP - VINACHEM	Hải phòng	19,17%	19,17%	Sản xuất phân bón

5 - PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
Công ty Cổ phần DAP - Vinachem	76.851.608.178	101.294.446
Công ty TNHH Hoàng Trung	21.256.655.913	31.521.655.913
Công ty TNHH TM XNK Nhật Thụy	133.706.404.968	19.749.687.889
Công ty Cổ phần DAP2 - Vinachem	24.690.856.187	30.410.278.881
Công ty Sw Intertrade Trading	38.863.257.765	24.797.359.446
Ông Nguyễn Lã Thảo	-	24.000.000.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tân Bình Phú	138.554.914.588	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	38.076.196.264	33.387.979.999
	471.999.893.863	163.968.256.574
b) Phải thu của khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán		
Các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn	471.999.893.863	163.968.256.574
	471.999.893.863	163.968.256.574
c) Phải thu khách hàng là các bên liên quan	76.851.608.178	101.294.446
Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 37.		

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn				
Công ty CP Đầu tư và Dịch vụ Công nghiệp Thái Nguyên	-	-	168.673.963.097	-
Công ty Cổ phần DAP2 - Vinachem	3.510.117.750	-	40.000.000.000	-
Công ty CP Đầu tư AFC	-	-	99.701.750.000	-
Công ty TNHH MTV Thương mại Hoàng Đức	-	-	40.000.000.000	-
Công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ Việt Bắc	69.298.096.000	-	-	-
Công ty Cổ phần phân bón Miền Nam	67.554.603.133	-	-	-
Công ty CP Phát triển Phân Bón Đình Vũ	65.639.579.262	-	7.786.000.000	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Đức Nguyễn	50.840.993.110	-	7.476.948.984	-
Trả trước cho người bán khác	91.779.237.178	-	228.688.034.408	-
	348.622.626.433	-	592.326.696.489	-

7 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn				
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.010.617.575	-	2.770.667.422	-
Phải thu lãi ứng trước tiền hàng cho DAP2 - Vinachem	6.290.512.970	-	3.762.650.648	-
Tạm ứng	8.010.083.703	-	12.389.438.085	-
Ký cược, ký quỹ	21.951.069.422	-	31.075.237.237	-
Cho mượn	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-
Phải thu theo hợp đồng ủy thác xuất, nhập khẩu	-	-	2.006.017.341	-
Phải thu khác	203.915.697	-	124.646.086	-
	39.466.199.367	-	54.128.656.819	-

8 . NỢ XẤU

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
Công ty TNHH Thương mại và Xuất nhập khẩu Thuận Đạt	3.466.214.350	-	3.466.214.350	-
	3.466.214.350	-	3.466.214.350	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	34.891.747.763	-	24.292.250.578	-
Công cụ, dụng cụ	423.254.640	-	47.838.690	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	7.032.452.359	-	4.793.767.533	-
Thành phẩm	32.863.570.963	-	19.966.462.084	-
Hàng hoá	68.975.531.926	-	68.346.187.249	-
	144.186.557.651	-	117.446.506.134	-

10 . TÀI SẢN DỞ DANG DÀI HẠN

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Xây dựng cơ bản dở dang	3.100.993.159	60.380.817.701
- Dự án Nhà máy sản xuất NPK Thủy Nguyên	891.423.636	205.215.302
- Dự án Kho Ngoại quan Đình Vũ	2.209.569.523	60.175.602.399
Mua sắm tài sản cố định	40.000.000	-
- Quyền sử dụng đất tại số 97 Bạch Đằng	40.000.000	-
	3.140.993.159	60.380.817.701

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017

11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tài sản cố định khác		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá												
Số dư đầu năm	86.465.622.694		65.269.464.327	26.287.841.846	2.044.746.458		180.067.675.325					
- Mua trong năm	-		2.227.709.252	994.109.090	1.205.876.652		4.427.694.994					
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	127.467.332.906		-	-	-		127.467.332.906					
- Thanh lý, nhượng bán	(18.413.433.134)		-	(932.000.000)	(33.824.472)		(19.379.257.606)					
Số dư cuối năm	195.519.522.466		67.497.173.579	26.349.950.936	3.216.798.638		292.583.445.619					
Giá trị hao mòn lũy kế												
Số dư đầu năm	12.835.987.633		882.710.813	3.021.780.656	739.048.101		17.479.527.203					
- Khấu hao trong năm	5.560.521.187		4.492.618.128	2.745.288.206	274.742.294		13.473.169.815					
- Thanh lý, nhượng bán	(3.378.897.440)		-	(163.100.007)	(14.093.520)		(3.556.090.967)					
Số dư cuối năm	15.417.611.380		5.375.328.941	5.603.968.855	999.696.875		27.396.606.051					
Giá trị còn lại												
Tại ngày đầu năm	73.629.635.061		64.386.753.514	23.266.061.190	1.305.698.357		162.588.148.122					
Tại ngày cuối năm	180.101.911.086		62.121.844.638	20.745.982.081	2.217.101.763		265.186.839.568					

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017

12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất
	VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	86.775.441.439
- Mua trong năm	6.113.650.000
- Thanh lý, nhượng bán	(3.541.163.530)
Số dư cuối năm	89.347.927.909
Giá trị còn lại	
Tại ngày đầu năm	86.775.441.439
Tại ngày cuối năm	89.347.927.909

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí thuê đất tại Đình Vũ	7.772.785.980	7.867.712.010
Công cụ dụng cụ xuất dùng	390.771.342	265.819.092
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	892.160.113	758.333.335
	9.055.717.435	8.891.864.437
b) Dài hạn		
Chi phí thuê đất tại Đình Vũ	281.509.679.301	314.640.611.052
Chi phí trước hoạt động/chi phí chuẩn bị sản xuất	10.747.393.718	3.333.665.295
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.265.244.633	4.351.898.676
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	2.441.650.356	2.478.768.704
Chi phí thuê đất tại Nhà máy phân bón NPK	6.446.316.690	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	226.028.030	-
	303.636.312.728	324.804.943.727

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
MARUBENI CORPORATION	-	-	28.996.717.355	28.996.717.355
Công ty CP Vật tư và Xuất nhập khẩu Hóa chất	7.247.433.897	7.247.433.897	60.851.751.400	60.851.751.400
Công ty CP Khu công nghiệp Đình	278.019.459	278.019.459	153.361.399.576	153.361.399.576
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Dịch vụ Việt Đức	54.513.596.000	54.513.596.000	-	-
Phải trả các đối tượng khác	37.929.957.277	37.929.957.277	40.197.239.257	40.197.239.257
	99.969.006.633	99.969.006.633	283.407.107.588	283.407.107.588
b) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán				
Phải trả người bán ngắn hạn	99.969.006.633	99.969.006.633	283.407.107.588	283.407.107.588
	99.969.006.633	99.969.006.633	283.407.107.588	283.407.107.588
d) Phải trả người bán là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 37.)				
	8.135.795.897	8.135.795.897	64.418.704.446	64.418.704.446

15 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Ông Bùi Tố Minh (Tiền đặt cọc mua cổ phần Vinachimex)	85.511.700.000	-
Các khoản người mua ứng tiền trước khác	4.183.616.355	1.063.031.827
	89.695.316.355	1.063.031.827

(*) Theo hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng cổ phần số 03-2017/HĐ-ĐC ngày 14/12/2017 giữa Công ty và cá nhân ông Bùi Tố Minh, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình sẽ chuyển nhượng 2.794.500 cổ phần tại Công ty Cổ phần Vật tư và Xuất nhập khẩu Hóa chất cho cá nhân Ông Bùi Tố Minh sau khi hết thời hạn hạn chế chuyển nhượng. Số tiền nhận đặt cọc là toàn bộ giá trị giao dịch mua bán giữa 2 bên.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH
Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	3.317.610	-	-	19.504.307.078	15.952.303.111	-	-	-	-	-	-	3.548.686.357
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	33.176.093	-	-	6.555.338.155	6.522.162.062	-	-	-	-	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	7.479.633.202	-	-	6.270.908.599	6.800.000.000	-	-	-	-	-	-	8.008.774.603
Thuế Thu nhập cá nhân	-	11.556.062	-	-	11.556.062	-	-	-	-	-	-	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	-	-	47.188.480	47.188.480	-	-	-	-	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-	59.769.500	59.769.500	-	-	-	-	-	-	-
	7.516.176.905	11.556.062	11.556.062	32.437.511.812	29.392.779.215	29.392.779.215	8.008.774.603	8.008.774.603	3.548.686.357	3.548.686.357	3.548.686.357	3.548.686.357

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Ngắn hạn
Chi phí lãi vay

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
	705.621.895	348.628.543
	705.621.895	348.628.543

18 . PHẢI TRẢ KHÁC

Ngắn hạn
Kinh phí công đoàn
Bảo hiểm xã hội
Bảo hiểm y tế
Bảo hiểm thất nghiệp
Phải trả theo hợp đồng ủy thác xuất nhập khẩu

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
	96.246.232	77.155.232
	111.440.404	-
	19.665.994	-
	8.740.420	-
	27.455.920.251	1.628.840.178
	27.692.013.301	1.705.995.410

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017

19 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2017		Trong năm		31/12/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn						
- Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - Chi nhánh Thủ Đức ⁽¹⁾	775.941.200.000	775.941.200.000	2.182.841.286.450	2.322.302.941.157	636.479.544.793	636.479.544.793
- Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH	55.855.500.000	55.855.500.000	36.892.387.085	92.747.837.135	-	-
- Ngân hàng Maybank Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	185.096.000.000	185.096.000.000	250.603.432.107	435.699.432.107	-	-
- Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Hải Phòng ⁽²⁾	149.583.500.000	149.583.500.000	178.137.500.000	297.721.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hải Phòng	132.806.200.000	132.806.200.000	6.506.550.729	139.312.750.729	-	-
- Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - CN Bắc Hải Phòng ⁽³⁾	-	-	360.000.000.000	240.000.000.000	120.000.000.000	120.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải - Chi nhánh Hải Phòng ⁽⁴⁾	-	-	45.176.856.782	3.972.989	45.172.883.793	45.172.883.793
- Ngân hàng TMCP Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh - CN Hải Phòng ⁽⁵⁾	-	-	133.933.120.000	91.033.120.000	42.900.000.000	42.900.000.000
- Ngân hàng Hong Leong bank - Chi nhánh Hải Phòng	-	-	13.804.088.502	13.804.088.502	-	-
- Ngân hàng TMCP Tpbank - Chi nhánh Hải Phòng ⁽⁶⁾	-	-	11.518.486.245	8.711.825.245	2.806.661.000	2.806.661.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017

	01/01/2017		Trong		31/12/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
b) Vay dài hạn						
Nợ dài hạn đến hạn trả						
- Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Hải Phòng	7.374.640.000	7.374.640.000	34.254.640.000	7.374.640.000	34.254.640.000	34.254.640.000
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	7.000.000.000	7.000.000.000	-	7.000.000.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hải Phòng	-	-	23.880.000.000	-	23.880.000.000	23.880.000.000
- Công ty CP Quảng Bình Cao Bằng	-	-	10.000.000.000	-	10.000.000.000	10.000.000.000
Tổng cộng	783.315.840.000	783.315.840.000	2.217.095.926.450	2.329.677.581.657	670.734.184.793	670.734.184.793
Vay dài hạn						
- Công ty Cổ phần XNK Đức Nguyễn ⁽⁷⁾	140.000.000.000	140.000.000.000	-	-	140.000.000.000	140.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hải Phòng ⁽⁸⁾	749.280.000	749.280.000	-	374.640.000	374.640.000	374.640.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hải Phòng ⁽⁹⁾	160.363.825.085	160.363.825.085	54.704.687.500	41.768.512.585	173.300.000.000	173.300.000.000
- Ngân hàng TMCP Phát triển nhà Việt Nam - CN Hải Phòng ⁽¹⁰⁾	-	-	10.000.000.000	-	10.000.000.000	10.000.000.000
- Công ty CP Quảng Bình Cao Bằng ⁽¹¹⁾	-	-	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-
Tổng cộng	301.113.105.085	301.113.105.085	74.704.687.500	52.143.152.585	323.674.640.000	323.674.640.000

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- (1) Hợp đồng tín dụng số 1483-LAV-201700011 ngày 06/01/2017, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 400.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm tỷ đồng chẵn);
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, phục vụ phương án sản xuất kinh doanh 2016-2017;
 - + Thời hạn của hợp đồng: Hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 30/12/2017;
 - + Lãi suất cho vay: Lãi suất cho vay được quy định cụ thể trên từng lần nhận nợ theo chính sách của Ngân hàng từng thời kỳ;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 395.600.000.000 đồng;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản.
- (2) Hợp đồng tín dụng số 7108.17.251.831595.TD ngày 08/03/2017, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: Tổng hạn mức cho vay, bảo lãnh thanh toán, L/C là 120.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm hai mươi tỷ đồng chẵn);
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh phân bón, hóa chất;
 - + Thời hạn của hợp đồng: Thời hạn cấp hạn mức tín dụng được tính từ ngày ký hợp đồng đến ngày 09/02/2018. Thời hạn của mỗi khoản tín dụng trong hạn mức không quá 04 tháng/khế ước.
 - + Lãi suất cho vay: Lãi suất vay được quy định cụ thể tại từng giấy nhận nợ;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 30.000.000.000 đồng.
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản.
- (3) Hợp đồng tín dụng số 2111-LAV201700161/HĐTD ngày 18/04/2017, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 120.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm hai mươi tỷ đồng chẵn);
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng;
 - + Lãi suất cho vay: Lãi suất được quy định theo từng lần nhận nợ và được điều chỉnh theo chính sách lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 120.000.000.000 đồng.
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay được đảm bảo bằng hình thức tín chấp.
- (4) Hợp đồng tín dụng số 69/2017/HĐTD ngày 25/08/2017, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 100.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm tỷ đồng chẵn);
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh phân bón và hóa chất của Công ty;
 - + Thời hạn của hợp đồng: Hợp đồng có thời hạn 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, thời hạn vay được quy định cụ thể theo từng giấy nhận nợ, tối đa không quá 04 tháng;
 - + Lãi suất cho vay: Áp dụng theo quy định của Ngân hàng từng thời kỳ;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 45.172.883.793 đồng;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản và quyền đòi nợ.
- (5) Hợp đồng tín dụng số 0582/17/HĐTDHM-DN/099 ngày 07/03/2017, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 70.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Bảy mươi tỷ đồng chẵn);
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh, sản xuất các sản phẩm phân bón,
 - + Thời hạn của hợp đồng: Hợp đồng có hiệu lực 12 tháng kể từ ngày 07/03/2017 đến 07/03/2018;
 - + Lãi suất cho vay: Lãi suất được quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh theo thông
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 42.900.000.000 đồng.
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản của nhà máy NPK.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn (tiếp):

- (6) Hợp đồng tín dụng số 365/2017/HĐTD/THU/03 ngày 13/11/2017, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 60.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Sáu mươi tỷ đồng chẵn);
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: Hợp đồng có hiệu lực 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, thời hạn vay được quy định cụ thể theo từng khế ước vay, tối đa không quá 05 tháng;
 - + Lãi suất cho vay: Lãi suất vay thả nổi, quy định theo từng lần nhận nợ;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 2.806.661.000 đồng;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản của bên thứ 3.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

- (7) Khoản vay theo các Hợp đồng tín dụng số 06/2015/HĐVV/ĐN-QBF ngày 03/06/2015 và Phụ lục hợp đồng
- + Tổng số tiền vay: 140.000.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: Thời hạn của khoản vay theo hợp đồng 06/2015/HĐVV/ĐN-QBF sẽ được tất toán tại ngày 31/12/2017; Thời hạn của khoản vay theo Phụ lục hợp đồng số 01/11/2014/HĐVV/ĐN-QBF sẽ được tất toán tại ngày 27/11/2017;
 - + Lãi suất cho vay: Lãi suất cố định 7,5%/năm;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Các khoản vay được đảm bảo theo hình tín chấp.
- (8) Hợp đồng tín dụng số 502.14.251.831595.TD ngày 19/12/2014, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 1.873.200.000 đồng;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn mua xe BMW 528i;
 - + Thời hạn của hợp đồng: Thời gian vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân;
 - + Lãi suất cho vay: Lãi suất thả nổi;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 749.280.000 đồng;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay được đảm bảo bằng khoản tiền gửi với số tiền là 90.000 USD.
- (9) Hợp đồng tín dụng số 01/2016-HĐTDDA/NHCT160-QBS-ICD ngày 18/01/2015, với các điều khoản sau:
- + Hạn mức tín dụng: 231.495.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: Các khoản nợ được dùng để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án Trung tâm kho bãi tổng hợp Quảng Bình - Đình Vũ;
 - + Thời hạn của hợp đồng: Thời hạn cho vay các khoản nợ là 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
 - + Lãi suất cho vay: Lãi suất cho vay của khoản nợ được quy định theo từng giấy nhận nợ. Lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 183.300.000.000 đồng;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Hợp đồng được bảo đảm bởi các tài sản theo các cam kết bảo lãnh/Hợp đồng bảo đảm mà Công ty hoặc Tổ chức/Cá nhân khác ký kết với ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn (tiếp):

- (10) Hợp đồng tín dụng số 1634/17/HĐTDTDH-DN/099 ngày 17/04/2017, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Số tiền vay: 10.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười tỷ đồng chẵn);
 - + Mục đích vay: Bổ đắp phần vốn đầu tư Nhà máy NPK tại Thủy Nguyên, Hải Phòng;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng;
 - + Lãi suất cho vay: Được quy định trong từng khế ước nhận nợ cụ thể và được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng trong suốt thời gian vay;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 10.000.000.000 đồng;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản.
- (11) Hợp đồng tín dụng số 01/2017/HĐVV/QBCD QBF ngày 20/03/2017, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 10.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười tỷ đồng chẵn);
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: Hợp đồng có hiệu lực từ ngày 31/03/2017 đến hết ngày 30/09/2018;
 - + Lãi suất cho vay: Lãi suất vay cố định là 7,5%/năm, trả lãi 03 tháng/lần;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 10.000.000.000 đồng;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay được đảm bảo theo hình thức tín chấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017

20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU
a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Số dư đầu năm trước	639.999.280.000	(5.666.100.000)	-	-	-	111.963.858.725	748.297.038.725	748.297.038.725	
Tăng vốn trong năm trước	53.300.000.000	-	-	-	-	-	53.300.000.000	53.300.000.000	
Lãi/lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	1.502.927.361	19.502.927.361	19.502.927.361	
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	7.727.786.496	(43.591.643.744)	(35.863.857.248)	(35.863.857.248)	
Tăng khác	-	2.665.000.000	-	-	-	-	2.665.000.000	2.665.000.000	
Số dư cuối năm trước	693.299.280.000	(3.001.100.000)	-	7.727.786.496	7.727.786.496	83.875.142.342	787.901.108.838	787.901.108.838	
Số dư đầu năm nay	693.299.280.000	(3.001.100.000)	-	7.727.786.496	-	83.875.142.342	787.901.108.838	787.901.108.838	
Lãi/lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	22.538.600.128	22.538.600.128	22.538.600.128	
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	2.034.134.904	2.034.134.904	(119.006.853)	(1.084.871.949)	(1.084.871.949)	
Giảm khác	-	(248.000.000)	-	-	-	-	(248.000.000)	(248.000.000)	
Số dư cuối năm nay	693.299.280.000	(3.249.100.000)	-	9.761.921.400	9.761.921.400	100.294.735.617	809.106.837.017	809.106.837.017	

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 02/2017/NQ-HĐCĐ ngày 24/03/2017, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2016 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên báo cáo tài chính hợp nhất	100,00%	13.560.899.357
Trích Quỹ đầu tư phát triển	15,00%	2.034.134.904
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	8,00%	1.084.871.949
Lợi nhuận chưa phân phối	77,00%	10.441.892.504

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Ông Nguyễn Thanh Bình	7,21%	50.000.000.000	14,42%	100.000.000.000
Bà Nguyễn Thị Hương	13,27%	92.005.790.000	13,27%	92.005.790.000
Ông Daniel Rodney Badger	0,00%	-	7,89%	54.679.500.000
Các cổ đông khác	79,52%	551.293.490.000	64,42%	446.613.990.000
	100%	693.299.280.000	100%	693.299.280.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	693.299.280.000	693.299.280.000
- Vốn góp đầu năm	693.299.280.000	639.999.280.000
- Vốn góp tăng trong năm ⁽¹⁾	-	53.300.000.000
- Vốn góp cuối năm	693.299.280.000	693.299.280.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	31.999.964.000
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	-	31.999.964.000

(1) Theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2016 số 02/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08/10/2016 đã thông qua phương án chào bán cổ phần riêng lẻ để tăng vốn điều lệ từ 693.299.280.000 đồng lên 812.999.280.000 đồng, số lượng cổ phần chào bán là 17.300.000 cổ phần, tương đương 173.000.000.000 đồng. Công tác phát hành đã được Hội đồng quản trị Công ty lập phương án và thực hiện từ ngày 28/12/2016 đến ngày 30/12/2016 với giá bán là 10.500 đồng/cổ phiếu. Số lượng cổ phần chào bán thành công là 5.330.000 cổ phần, số tiền thu được từ chào bán là 55.965.000.000 đồng, đạt 30,8% số lượng cổ phiếu đăng ký chào bán. Số vốn huy động được sẽ được sử dụng để đầu tư cho Dự án ICD Quảng Bình - Đình Vũ.

Kết quả phát hành

Đối tượng chào bán cổ phiếu	Số lượng cổ phiếu chào bán thành công	Giá bán thành công	Số tiền thu từ chào bán	Tài khoản góp vốn
Chào bán cổ phiếu lẻ	5.330.000	10.500	55.965.000.000	Tài khoản số 1483201010418 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thủ đô

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017

Tình hình sử dụng vốn thu được từ chào bán cổ phiếu thành công

Nội dung	Số tiền VND	Đơn vị thụ hưởng
Số tiền thu được từ chào bán cổ phiếu thành công	55.965.000.000	
Chi phí phát hành	248.000.000	
- Phí Tư vấn phát hành cổ phiếu	200.000.000	CN Công ty CP chứng khoán Sài Gòn Hà Nội
- Phí kiểm toán Nguồn vốn chủ sở hữu	33.000.000	Công ty TNHH Kiểm toán và (hầm định giá Việt Nam
- Phí dịch vụ thực hiện quyền ngày chốt	15.000.000	Trung tâm lưu ký Chứng Khoán Việt Nam
Chi phí đầu tư dự án cảng ICD Quảng Bình - Đình Vũ	55.717.000.000	
- Thanh toán tiền thuê đất xây dựng cảng ICD Đình Vũ - Quảng Bình	55.717.000.000	Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Đình Vũ

Số tiền chưa sử dụng

d) Cổ phiếu

	31/12/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	69.329.928	69.329.928
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	69.329.928	69.329.928
- Cổ phiếu phổ thông	69.329.928	69.329.928
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	69.329.928	69.329.928
- Cổ phiếu phổ thông	69.329.928	69.329.928
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Quỹ đầu tư phát triển	9.761.921.400	7.727.786.496
	9.761.921.400	7.727.786.496

22 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Ngoại tệ các loại		
	31/12/2017	01/01/2017
- Đồng đô la Mỹ (USD)	156.132,43	1.444.931,45

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017

23 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	3.353.561.716.971	4.014.151.362.175
Doanh thu cung cấp dịch vụ	141.222.599.285	159.788.442.405
	3.494.784.316.256	4.173.939.804.580

24 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	98.453.005.357	70.036.570.223
Giá vốn của hàng hóa đã bán	3.170.316.332.138	3.905.377.152.198
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	48.028.565.254	24.419.136.128
	3.316.797.902.749	3.999.832.858.549

25 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	4.085.204.468	3.080.817.443
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	6.545.627.620	13.001.539.134
Lãi bán các khoản đầu tư	-	22.721.676.863
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	1.523.250.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	2.616.796.393	2.724.776.247
	13.247.628.481	43.052.059.687

26 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền vay	75.034.239.134	57.043.283.644
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	1.066.491.058	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	3.552.905.224	4.226.614.276
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	46.885.327	1.190.934.583
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	41.937.229.813	92.904.652.776
	121.637.750.556	155.365.485.279

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017

27 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	81.794.044	232.625.499
Chi phí khấu hao tài sản cố định	430.294.150	575.689.712
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.390.191.225	27.330.357.555
Chi phí khác bằng tiền	237.393.718	311.708.936
	27.139.673.137	28.450.381.702

28 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	706.774.619	452.261.513
Chi phí nhân công	4.217.319.200	4.335.891.461
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.364.160.593	2.064.043.074
Thuế, phí, lệ phí	12.188.480	8.569.140
Hoàn nhập dự phòng	-	(627.669.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.069.603.038	2.286.262.230
Chi phí khác bằng tiền	2.164.367.684	1.841.052.668
	12.534.413.614	10.360.411.086

29 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Tiền bồi thường tổn thất do vi phạm hợp đồng	2.060.655.107	-
Thu nhập khác	30.738.433	1.328.417.482
	2.091.393.540	1.328.417.482

30 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	1.364.330.169	-
Các khoản bị phạt	331.464.904	-
Chi phí khác	1.631.345.915	287.900.974
	3.327.140.988	287.900.974

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017

31 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	28.686.457.233	24.023.244.159
Các khoản điều chỉnh tăng	2.052.828.290	101.589.830
- Chi phí không hợp lệ	2.052.828.290	101.589.830
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(1.523.250.000)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	(1.523.250.000)
Thu nhập chịu thuế TNDN	30.739.285.523	22.601.583.989
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	6.147.857.105	4.520.316.798
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	123.051.494	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	(7.479.683.202)	9.541.745.892
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(6.800.000.000)	(21.541.745.892)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm của hoạt động kinh doanh chính	(8.008.774.603)	(7.479.683.202)

32 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	22.538.600.128	19.502.927.361
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	22.538.600.128	19.502.927.361
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	69.329.928	64.029.133
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	325	305

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017

33 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	93.516.288.972	65.465.051.309
Chi phí nhân công	7.642.069.401	7.254.153.639
Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.473.169.815	7.778.009.695
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.039.607.680	32.029.353.401
Chi phí khác bằng tiền	4.004.554.232	3.877.267.006
147.675.690.100	116.403.835.050	

34 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	64.283.124.830	-	241.533.791.654	-
Phải thu khách hàng, phải thu	511.466.093.230	(3.466.214.350)	218.096.913.393	(3.466.214.350)
Đầu tư ngắn hạn	11.968.540.785	-	17.000.000.000	-
Đầu tư dài hạn	305.164.294.645	(136.478.611.858)	295.089.294.645	(94.541.382.045)
892.882.053.490	(139.944.826.208)	771.719.999.692	(98.007.596.395)	

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	994.408.824.793	1.084.428.945.085
Phải trả người bán, phải trả khác	127.661.019.934	285.113.102.998
Chi phí phải trả	705.621.895	348.628.543
1.122.775.466.622	1.369.890.676.626	

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	64.283.124.830	-	-	64.283.124.830
Phải thu khách hàng, phải thu	507.999.878.880	-	-	507.999.878.880
Đầu tư ngắn hạn	11.968.540.785	-	-	11.968.540.785
Đầu tư dài hạn	-	168.685.682.787	-	168.685.682.787
	584.251.544.495	168.685.682.787	-	752.937.227.282
Tại ngày 01/01/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	241.533.791.654	-	-	241.533.791.654
Phải thu khách hàng, phải thu	214.630.699.043	-	-	214.630.699.043
Đầu tư ngắn hạn	17.000.000.000	-	-	17.000.000.000
Đầu tư dài hạn	-	200.547.912.600	-	200.547.912.600
	473.164.490.697	200.547.912.600	-	673.712.403.297

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2017				
Vay và nợ	670.734.184.793	323.674.640.000	-	994.408.824.793
Phải trả người bán, phải trả khác	127.661.019.934	-	-	127.661.019.934
Chi phí phải trả	705.621.895	-	-	705.621.895
	799.100.826.622	323.674.640.000	-	1.122.775.466.622
Tại ngày 01/01/2017				
Vay và nợ	783.315.840.000	301.113.105.085	-	1.084.428.945.085
Phải trả người bán, phải trả khác	285.113.102.998	-	-	285.113.102.998
Chi phí phải trả	348.628.543	-	-	348.628.543
	1.068.777.571.541	301.113.105.085	-	1.369.890.676.626

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

35 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

36 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm phân bón và hóa chất phục vụ sản xuất phân bón, các hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong kết quả kinh doanh và trong tổng tài sản của Công ty. Bên cạnh đó, hoạt động của Công ty được diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017

37 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau: (riêng đối với các khoản vay với các bên liên quan được nêu chi tiết tại thuyết minh số 19.)

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2017	Năm 2016
		VND	VND
Giao dịch bán hàng		169.817.909.481	50.525.977.909
Công ty Cổ phần DAP - VINACHEM (*)		166.785.761.497	49.291.590.697
Công ty Cổ phần Vật tư Xuất nhập khẩu Hóa chất	Công ty liên kết	3.032.147.984	1.234.384.212
Giao dịch mua hàng		86.168.883.277	61.856.667.634
Công ty Cổ phần DAP - VINACHEM (*)		4.047.905.000	-
Công ty Cổ phần Vật tư Xuất nhập khẩu Hóa chất	Công ty liên kết	82.120.978.277	61.856.667.634
Cổ tức và lợi nhuận được chia		-	1.523.250.000
Công ty Cổ phần DAP - VINACHEM (*)		-	1.523.250.000

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	31/12/2017	01/01/2017
		VND	VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng		76.851.608.178	101.294.446
Công ty Cổ phần DAP - VINACHEM (*)		76.851.608.178	101.294.446
Ứng trước cho nhà cung cấp		1.264.520	-
Công ty Cổ phần DAP - VINACHEM (*)		1.264.520	-
Phải trả người bán ngắn hạn		8.135.795.897	64.418.704.446
Công ty Cổ phần DAP - VINACHEM (*)		-	3.566.953.046
Công ty Cổ phần Vật tư Xuất nhập khẩu Hóa chất	Công ty liên kết	8.135.795.897	60.851.751.400

(*) Bà Nguyễn Thanh Hương - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty là Thành viên HĐQT của Công ty Cổ phần DAP-VINACHEM

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	772.222.713	1.022.743.877
Trong đó: Thu nhập của Tổng Giám đốc	173.903.294	186.927.152

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017

38 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam.

Trần Thị Yến Chi
Người lậpBùi Thị Ngọc
Kế toán trưởngNguyễn Thị Thanh Hương
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 20 tháng 01 năm 2018





Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình

Số điện thoại: (+84) 225.626.3333

Số fax: (+84) 225.353.3679

Website: quangbinhjsc.com.vn

Địa chỉ: Số 23, Lô 01, Khu 97 Bạch Đằng, Hạ Lý, Hồng Bàng, Hải Phòng.